

UNESCO

UNESCO GLOBAL REPORT

ON CULTURAL POLICIES

Culture: The missing SDG

CHƯƠNG 4: TẠO ĐIỀU KIỆN CHO HỆ SINH THÁI VĂN HÓA BAO TRỪM VÀ BỀN VỮNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ

NHỮNG TIẾNG NÓI SÁNG TẠO

MO ABUDU

Tạo điều kiện cho một hệ sinh thái kinh tế bền vững cho văn hóa

Ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) là một trong những lĩnh vực năng động nhất của nền kinh tế toàn cầu, tạo ra nhiều việc làm và đóng góp quan trọng vào GDP. Tuy nhiên, tiềm năng đầy đủ của ngành này vẫn chưa được khai thác hết do tồn tại các rào cản hệ thống, đặc biệt đối với phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo. Bất chấp những đóng góp lớn lao của mình, phụ nữ trong CCIs vẫn gặp phải sự chênh lệch về mức lương theo giới, hạn chế trong tiếp cận nguồn vốn và thiếu đại diện trong các vị trí quyết định. Giải quyết những bất bình đẳng này không chỉ là một lẽ phải đạo đức mà còn là một nhu cầu kinh tế, vì sự lãnh đạo đa dạng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khả năng chống chịu của ngành.

Một trong những thách thức chính trong việc đạt được bình đẳng giới trong ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) là tiếp cận nguồn tài chính. Các doanh nghiệp văn hóa do phụ nữ lãnh đạo thường gặp khó khăn trong việc đảm bảo đầu tư, hạn chế khả năng mở rộng và duy trì hoạt động kinh doanh. Để thu hẹp khoảng cách này, cần triển khai các cơ chế tài trợ có mục tiêu và các chương trình cố vấn, nhằm đảm bảo phụ nữ có cơ hội công bằng để phát triển như những doanh nhân và nhà lãnh đạo trong ngành. Các chính sách thúc đẩy ngân sách có tính đáp ứng giới và tiếp cận công bằng các nguồn lực tài chính sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một hệ sinh thái văn hóa cân bằng.

Song song với đó, việc chính thức hóa các doanh nghiệp sáng tạo - đặc biệt là các doanh nghiệp vi mô, nhỏ và vừa (MSMEs) - là điều cần thiết để duy trì sự bền vững về kinh tế. Nhiều doanh nghiệp văn hóa hoạt động không chính thức, dẫn đến sự thiếu ổn định trong việc làm và thiếu các chính sách bảo vệ xã hội cho người lao động trong ngành. Chính phủ cần xây dựng các chính sách khuyến khích việc chính thức hóa bằng cách cung cấp các ưu đãi về thuế, hỗ trợ tài chính và hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Bằng cách củng cố cơ sở hạ tầng cho doanh nhân sáng tạo, chúng ta có thể

đảm bảo rằng các chuyên gia văn hóa nhận được mức lương công bằng và có cơ hội việc làm ổn định.

Du lịch văn hóa và bảo tồn di sản cũng là những yếu tố cơ bản đối với một nền kinh tế văn hóa phát triển thịnh vượng. Trong khi các di tích và địa danh văn hóa đem lại lợi ích kinh tế đáng kể, chúng cần được quản lý bền vững để tránh tình trạng thương mại hóa quá mức và sự xuống cấp. Các chính sách nên khuyến khích du lịch có trách nhiệm, để các cộng đồng địa phương có thể hưởng lợi kinh tế đồng thời bảo tồn được tính nguyên vẹn của di sản văn hóa. Cách tiếp cận này sẽ góp phần vào sự bền vững kinh tế lâu dài trong khi vẫn giữ gìn được sự chân thực của các tài sản văn hóa.

Chính sách thương mại toàn cầu cũng cần phản ánh tính đặc thù của hàng hóa và dịch vụ văn hóa. Với sự chuyển đổi số làm thay đổi mạnh mẽ bối cảnh sáng tạo, nhu cầu bảo vệ dữ liệu văn hóa và hàng hóa văn hóa kỹ thuật số ngày càng tăng. Việc tăng cường quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo trả công công bằng cho các nghệ sĩ trên các thị trường kỹ thuật số và thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm văn hóa thông qua các hiệp định thương mại ưu đãi sẽ giúp duy trì sự phát triển bền vững của nền kinh tế văn hóa toàn cầu. Chính sách thương mại toàn cầu cũng cần phản ánh tính đặc thù của hàng hóa và dịch vụ văn hóa. Đặc biệt, khi thế giới ngày càng số hóa và đổi mới sáng tạo kỹ thuật số, việc bảo vệ dữ liệu văn hóa và hàng hóa kỹ thuật số trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Cùng cố quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo các nghệ sĩ được hưởng lợi công bằng trên các thị trường kỹ thuật số, cùng với việc thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm văn hóa thông qua các hiệp định thương mại ưu đãi, sẽ là các bước quan trọng để duy trì và phát triển bền vững nền kinh tế văn hóa toàn cầu.

Nhìn về phía trước, một hệ sinh thái văn hóa bền vững đòi hỏi sự phối hợp của nhiều bên liên quan bao gồm chính phủ, các nhà đầu tư tư nhân, các tổ chức văn hóa và cộng đồng địa phương. Bằng cách thúc đẩy các chính sách bao trùm, hỗ trợ bình đẳng giới, tạo điều kiện tiếp cận tài chính và bảo vệ thương mại toàn cầu, chúng ta có thể khai mở toàn bộ tiềm năng kinh tế của văn hóa như một động lực thúc đẩy phát triển bền vững.

THIẾT LẬP MỘT HỆ SINH THÁI VĂN HÓA BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG, ĐỒNG THỜI THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tổng quan

01. Các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) là một phần quan trọng của nền kinh tế toàn cầu, tạo ra hàng triệu việc làm, đóng góp vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và giá trị gia tăng tổng (GVA), đồng thời giúp các quốc gia và vùng miền đa dạng hóa nền kinh tế và tạo cơ hội cho tài năng và doanh nghiệp sáng tạo phát triển. Nhiều ngành này được thúc đẩy bởi công nghệ số, mở rộng tầm ảnh hưởng và

phạm vi hoạt động, giảm rào cản gia nhập thị trường, đồng thời thúc đẩy sự hợp tác liên ngành và quốc tế. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận các công nghệ này, sự yếu kém trong quản lý và thực thi, cùng với tính chất thay đổi nhanh chóng của công nghệ khiến cơ hội tham gia không đồng đều. Dù vậy, bằng cách khuếch đại giá trị di sản văn hóa và tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và trải nghiệm mới, các CCIs góp phần vào phúc lợi chung và phát triển bền vững.

02. Đóng góp kinh tế của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) thường bị đánh giá thấp do những khó khăn trong việc đo lường hiệu quả, mức độ không chính thức cao và các vấn đề kéo dài trong quản lý quyền sở hữu trí tuệ. Những vấn đề này làm giảm nỗ lực trong việc định vị văn hóa như một yếu tố đóng góp vào một nền kinh tế bao trùm và hiệu quả hơn, cũng như làm nền tảng cho phát triển bền vững.

03. Các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) không hoạt động như một ngành công nghiệp truyền thống mà là một phần của nền kinh tế hỗn hợp hoặc hệ sinh thái. Chúng vô cùng đa dạng, trải rộng trên tất cả các hình thức nghệ thuật, được nuôi dưỡng bởi các hoạt động phi chính thức và tự nguyện, được hỗ trợ bởi sự đóng góp từ nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân (bao gồm tài chính cũng như các yếu tố hỗ trợ như cơ sở hạ tầng và quy định). Do đó, các CCIs đòi hỏi sự hỗ trợ chính sách tinh vi để các hình thức biểu đạt văn hóa đa dạng có thể phát triển mạnh, tạo điều kiện tiếp cận công bằng và bao trùm đối với công việc văn hóa và các vị trí sáng tạo, đồng thời mở đường cho đổi mới và tăng trưởng.

04. Ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) tạo ra ảnh hưởng lan tỏa qua toàn nền kinh tế, cũng như góp phần vào phúc lợi, sự gắn kết xã hội và lòng tự hào dân tộc. Chúng giữ vai trò trung tâm trong việc bảo vệ, quảng bá và làm mới các di sản văn hóa, hỗ trợ sự phát triển của du lịch văn hóa và đóng góp vào các quy trình đổi mới trong thiết kế sản phẩm và trải nghiệm, quy hoạch đô thị sáng tạo và đối phó với các tình huống khẩn cấp về biến đổi khí hậu. Các CCIs là một nhân tố thúc đẩy phát triển bền vững, giúp nhân loại đối mặt với các thách thức toàn cầu.

05. Các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) tạo cơ hội bao trùm về kinh tế ở mọi khu vực toàn cầu – thông qua những hình thức biểu đạt văn hóa đa dạng, mỗi cộng đồng đều có tiềm năng tham gia. Tuy nhiên, trên thực tế, các CCIs cũng phản ánh những bất bình đẳng, đặc biệt là đối với phụ nữ, các nhóm thiểu số và những người thuộc các nền kinh tế xã hội bị thiệt thòi. Có những rào cản rất lớn đối với sự tham gia bình đẳng trong các hoạt động văn hóa, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp sáng tạo đã được chính thức hóa. Tiềm năng của các CCIs cũng bị kìm hãm bởi những thách thức dai dẳng như tính bất bình đẳng của công việc sáng tạo, kiểm duyệt và tự kiểm duyệt, cùng với các vấn đề về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và phân biệt giới tính.

Nếu không có những nỗ lực cụ thể để giải quyết bất bình đẳng, các CCIs sẽ hoạt động kém hiệu quả và đóng góp của chúng cho sự phát triển bền vững sẽ bị suy yếu.

LỜI MỞ ĐẦU

Chương này nhấn mạnh vai trò quan trọng của khía cạnh kinh tế của văn hóa trong việc vận động đưa văn hóa trở thành một mục tiêu độc lập trong Chương trình Phát triển Bền vững tiếp theo. Việc công nhận văn hóa trong các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) là cần thiết, vì văn hóa đóng góp đáng kể vào các kết quả phát triển bền vững và nhân văn, bao gồm tăng trưởng kinh tế, sự gắn kết xã hội và sự tham gia của thanh niên. Chương này cũng khẳng định rằng văn hóa, thông qua cả di sản và sáng tạo, là động lực năng động thúc đẩy đổi mới và trung tâm của việc xây dựng các xã hội bao trùm và kiên cường. Nó cũng đề cập đến sự thay đổi trong quản trị văn hóa, được định hình bởi các đổi mới thể chế, sự thay đổi ưu tiên chính trị và sự tích hợp các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) vào chương trình quốc gia, bao gồm cả các kết nối với các yếu tố văn hóa rộng hơn như di sản văn hóa. Bằng cách liên kết văn hóa với đa dạng hóa kinh tế, khả năng chống chịu xã hội và sự bền vững môi trường, chương này chứng minh rằng bất kỳ khuôn khổ phát triển bền vững nào cũng phải đặt văn hóa ở trung tâm.

Trong hai thập kỷ qua, các chính sách văn hóa đã phát triển đáng kể để phản ánh vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững. Những cột mốc quan trọng bao gồm tất cả các công ước văn hóa của UNESCO, trong đó có Công ước UNESCO năm 2005 về Bảo vệ và Thúc đẩy Đa dạng Các Hình Thức Biểu Đạt Văn Hóa và Chương trình Nghị sự 2030 vì Phát triển Bền vững. Ở mức độ khác nhau, các văn kiện này nhấn mạnh tầm quan trọng của văn hóa trong việc giải quyết các thách thức xã hội như bao trùm xã hội, bất bình đẳng kinh tế, bình đẳng giới và sự bền vững về môi trường.

Nền kinh tế hỗn hợp cho văn hóa?

Một sự tiến hóa quan trọng trong các mô hình chính sách văn hóa là sự chuyển dịch của nhiều vùng miền từ phương pháp dựa trên trợ cấp sang các chiến lược hướng đến thị trường hơn. Những chiến lược này nhằm khai thác đóng góp kinh tế của văn hóa và tạo điều kiện cho các quan hệ đối tác công - tư trong cấp vốn và phát triển. Điều này thường được thúc đẩy bởi khát vọng biến các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) thành những chất xúc tác cho tăng trưởng và nhà cung cấp việc làm, dựa trên giả định rằng văn hóa là yếu tố thúc đẩy nền tảng kinh tế đa dạng và năng suất hơn. Mở rộng hơn, chương trình chính sách này còn được định hình bởi khái niệm khá mơ hồ về nền kinh tế sáng tạo, trong đó đặt văn hóa ở trung tâm của sự sáng tạo rộng lớn hơn như nền tảng cho một nền kinh tế dựa trên kiến thức và thúc đẩy đổi mới. Các CCIs vì thế được định vị như những chất xúc tác lan tỏa các hiệu ứng qua toàn bộ nền kinh tế, bên cạnh giá trị nội tại của chúng. Sự chuyển dịch chính sách này,

nhấn mạnh giá trị kinh tế của văn hóa và giả định mô hình công nghiệp cho văn hóa, mang theo hai giả định chính:

- Đầu tiên là văn hóa phải mang lại và chứng minh được giá trị kinh tế để trở thành một ưu tiên trong chính sách;

- Thứ hai là các tổ chức và doanh nghiệp văn hóa cần phải có khả năng phát triển các mô hình kinh doanh tạo ra giá trị kinh tế và do đó không nên hoàn toàn hoặc thậm chí phần lớn dựa vào trợ cấp của công để tồn tại.

Tuy nhiên, những giả định này cần được xem xét lại. Rõ ràng văn hóa là một đóng góp quan trọng cho nền kinh tế toàn cầu (được đề cập trong chương này) và nhiều tổ chức văn hóa đã thành công trong việc đa dạng hóa các nguồn thu nhập và tạo ra lợi nhuận. Tuy nhiên, phần lớn ngành văn hóa vẫn cần sự kết hợp giữa trợ cấp công, hỗ trợ hiện vật và một phần tài chính và doanh thu từ khu vực tư nhân để duy trì sự bền bỉ mà không nhất thiết phải đạt được tăng trưởng. Do tính chất bấp bênh của công việc sáng tạo, sự bất bình đẳng về cơ hội và mức độ thực hành phi chính thức cao, việc cho rằng thị trường có thể duy trì văn hóa dưới mọi hình thức là điều quá đơn giản. Bởi vì một ngành văn hóa đa dạng, bao trùm và có ảnh hưởng được thúc đẩy bởi sự kết hợp của nhiều yếu tố chứ không chỉ bởi việc tối đa hóa lợi nhuận. Hơn nữa, các hình thức biểu đạt văn hóa đa dạng đóng góp vào sự lành mạnh và bao trùm của xã hội dân sự, coi văn hóa như một lợi ích công cộng. Điều này là nền tảng cho bất kỳ phương pháp phát triển kinh tế nào, vì một nền kinh tế phụ thuộc vào những con người năng động, khỏe mạnh và có năng suất.

Tương ứng, các hoạt động văn hóa sẽ luôn cần được trợ cấp và hỗ trợ để có thể phát triển đủ mạnh tạo ra giá trị kinh tế, nếu đây là mục tiêu của những người tham gia, như các nghệ sĩ. Bằng cách thiết lập một mục tiêu riêng biệt cho văn hóa, sự phát triển kinh tế bao trùm và kiên cường có thể được xem là kết quả tích cực của một ngành văn hóa khỏe mạnh, được hỗ trợ bởi chính sách cam kết coi văn hóa là nền tảng cho nhiều kết quả khác nhau, bao gồm các kết quả liên quan đến kinh tế.

Chương này xem xét các vấn đề trên cũng như những vấn đề khác để hiểu lý do cho các chính sách kết nối văn hóa với phát triển kinh tế. Nó mô tả thực tế đang diễn ra rằng văn hóa có khả năng phát triển tốt hơn với sự đa dạng thông qua mô hình nền kinh tế hỗn hợp. Mô hình này dựa trên sự kết hợp các cơ chế tài chính và nguồn vốn, trong đó đầu tư từ khu vực công vẫn là nhân tố thiết yếu do các giá trị xã hội và giá trị nội tại của văn hóa như một lợi ích công cộng và nền tảng cho phát triển bền vững.

Thúc đẩy sự tham gia – văn hóa như một chất xúc tác cho phát triển bền vững

Một xu hướng đáng chú ý trong chính sách văn hóa là hành động tham gia, được thúc đẩy bởi các sáng kiến nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong việc thúc đẩy sự

bao trùm xã hội và đa dạng. Phương pháp này, được trình bày trong Chương 1, nhấn mạnh cách mà sự tham gia tích cực của người dân vào các hoạt động văn hóa đóng vai trò như một chất xúc tác để tăng cường sự gắn kết cộng dân, dân chủ và đoàn kết xã hội. Đây là một nguyên tắc quan trọng nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế thông qua văn hóa được duy trì một cách công bằng, bao trùm và bền vững. Mặc dù các thực hành tham gia đã được thúc đẩy từ lâu trong các khung pháp lý quốc tế (chẳng hạn như Công ước Văn hóa của UNESCO) từ những năm 1950, nhưng các phương pháp tham gia đã phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Bằng chứng cho xu hướng toàn cầu này là các chính sách khuyến khích đồng sáng tạo, các dự án do cộng đồng dẫn dắt và sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định văn hóa. Các ví dụ gần đây bao gồm việc áp dụng rộng rãi các mô hình quản trị tham gia cho di sản văn hóa, đặc biệt là di sản văn hóa phi vật thể, như được thúc đẩy bởi Công ước năm 2003 về Bảo vệ Di sản Văn hóa Phi vật thể, và việc sử dụng ngân sách tham gia cho các dự án văn hóa ở nhiều vùng khác nhau. Những phát triển này phản ánh sự nhận thức ngày càng tăng về các lợi ích xã hội rộng lớn hơn được tạo ra bởi chính sách văn hóa và nhu cầu xây dựng chính sách bao trùm nhằm phản ánh các tiếng nói và trải nghiệm đa dạng trong một thế giới thay đổi nhanh chóng.

Việc tích hợp văn hóa vào các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) đã trở thành một khía cạnh then chốt trong chính sách văn hóa đương đại, mặc dù trong khuôn khổ SDGs hiện chưa có mục tiêu riêng biệt cho văn hóa. Tuy nhiên, việc thực hiện các SDGs đã bộc lộ những khoảng trống trong việc khai thác tiềm năng của văn hóa để thúc đẩy sự phát triển bền vững. Tiến trình này thường diễn ra một cách rời rạc, với các sáng kiến văn hóa thường chỉ tập trung vào các hành động đơn lẻ thay vì tích hợp một cách hệ thống trong tất cả các mục tiêu. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải có một mục tiêu riêng biệt cho văn hóa trong chương trình nghị sự sau năm 2030, nhằm cung cấp một khuôn khổ rõ ràng để tận dụng sức mạnh chuyển đổi của văn hóa. Một mục tiêu SDG dành riêng sẽ đảm bảo văn hóa được ưu tiên trong việc xây dựng chính sách, qua đó hỗ trợ vai trò của văn hóa trong việc thúc đẩy sự bền vững sinh thái, bao trùm kinh tế, bình đẳng giới và công bằng xã hội trên phạm vi toàn cầu.

Đảm bảo sự bền vững kinh tế của các ngành văn hóa vượt ra ngoài các chiến lược dựa vào thị trường: nó đòi hỏi phải giải quyết điều kiện làm việc và quyền lợi của nghệ sĩ cùng những người làm trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời khắc phục những bất bình đẳng đáng kể giữa các vùng trên toàn cầu. Trong khi các phương pháp dựa trên thị trường đã mở rộng các nguồn thu nhập, chúng cũng có nguy cơ thương mại hóa văn hóa và làm lu mờ các hình thức biểu đạt không mang tính thương mại. Cùng lúc đó, trong khi số hóa đã thúc đẩy nhanh việc phân phối nội dung sáng tạo, rút ngắn chuỗi cung ứng và tạo điều kiện cho nội dung xuất hiện ở nhiều thị trường khác nhau, điều kiện làm việc thiếu ổn định, đặc biệt trong lĩnh vực kỹ thuật số, vẫn là mối quan tâm đáng kể. Những thách thức này liên quan đến việc trả công công bằng, bản quyền

và các bảo vệ xã hội, cũng như việc kiểm tiền từ nội dung số - thứ hiện nay được sản xuất và tiêu thụ với số lượng lớn. Các khuôn khổ như Khuyến nghị của UNESCO về Vị thế của Nghệ sĩ (1980) và các sáng kiến của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) nhấn mạnh nhu cầu có các chính sách bảo đảm quyền lợi kinh tế và nghề nghiệp cho những người làm việc trong lĩnh vực văn hóa. Thêm vào đó, các nguyên tắc về trả công công bằng và tiêu dùng có đạo đức gần đây đã trở thành chủ đề được thảo luận công khai ngày càng nhiều, do các hoạt động của các hiệp hội, công đoàn và các nhóm nghề sáng tạo thúc đẩy.

Xây dựng các ngành văn hóa kiên cường và bền vững đòi hỏi phải điều chỉnh sự phù hợp giữa các khuôn khổ quốc tế với chính sách địa phương nhằm cân bằng sự đa dạng văn hóa và khả năng chống chịu kinh tế ở cả quy mô địa phương và toàn cầu. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự mất cân bằng dai dẳng về cơ hội – do những yếu tố như vị trí địa lý, khả năng tiếp cận nguồn lực, môi trường pháp lý và năng lực tài chính gây ra. Những sự chênh lệch này ảnh hưởng đến sự lưu thông toàn cầu của hàng hóa và dịch vụ văn hóa, cũng như việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội văn hóa trong và giữa các quốc gia. Những bất bình đẳng này có nguồn gốc sâu xa từ sự phân biệt đối xử hệ thống và các rào cản cấu trúc, tiếp tục loại trừ các nhóm yếu thế, ít được đại diện và dễ bị tổn thương khỏi việc tham gia đầy đủ vào đời sống văn hóa. Việc giải quyết những bất bình đẳng này là điều thiết yếu để thúc đẩy sự bao trùm xã hội, công bằng và các mục tiêu rộng lớn hơn của phát triển bền vững.

Vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế

Phần này của Chương 4 khám phá hệ sinh thái kinh tế của văn hóa. Ở mức có thể, dữ liệu ở cấp thành phố hoặc quốc gia đã được bao gồm, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những khoảng trống đáng kể về dữ liệu. Sự phân đôi giữa Phương Bắc Toàn cầu và Phương Nam Toàn cầu, như được sử dụng trong báo cáo này, phản ánh cả xu hướng phân tích rộng hơn và sự không đều về khả năng tiếp cận dữ liệu chi tiết theo vùng.

Đóng góp của văn hóa vào GDP và thị trường lao động

Văn hóa hoạt động như một hệ thống đa diện, trong đó các giá trị kinh tế và văn hóa đan xen sâu sắc. Nhận thức điều này là rất cần thiết để hiểu được đóng góp độc đáo của văn hóa đối với tiến bộ bền vững. Từ nghệ thuật và giải trí đến thiết kế, du lịch, di sản và các bảo tàng, các hoạt động văn hóa đóng góp đáng kể vào việc tạo ra việc làm, tăng trưởng GDP và sự thịnh vượng chung. Các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) chiếm một phần đáng kể trong GDP toàn cầu, với sự khác biệt theo từng khu vực và mức thu nhập. Ước tính các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo đóng góp 3,39% vào GDP toàn cầu, thể hiện tầm ảnh hưởng kinh tế quan trọng của chúng trên toàn thế giới (Báo cáo định kỳ Công ước 2005).

Bảng 3 cung cấp cái nhìn tổng quan về mức đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) vào GDP ở các nhóm khu vực khác nhau, cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa các vùng. Đông Á và Đông Nam Á báo cáo tỷ lệ đóng góp cao nhất khu vực là 4,11%, do sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo ở các quốc gia như Trung Quốc và Hàn Quốc. Châu Đại Dương đứng thứ hai với 3,50%, phản ánh sự kết hợp giữa nền kinh tế văn hóa truyền thống và hiện đại. Ngược lại, dữ liệu chỉ có sẵn cho một quốc gia duy nhất tại khu vực Trung và Nam Á, cho thấy sự thiếu hụt dữ liệu đại diện cho khu vực này. Châu Âu và Bắc Mỹ, những vùng có cơ sở hạ tầng văn hóa lâu đời, báo cáo mức đóng góp trung bình 2,66%, trong khi châu Phi hạ Sahara và Mỹ Latinh cùng Caribe có mức đóng góp tương tự là 2,51%, và Tây Á cùng Bắc Phi ghi nhận tỷ lệ 2,48%. Những con số này nhấn mạnh sự phát triển không đều của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo trên toàn thế giới, đồng thời nêu bật sự cần thiết phải cải thiện thu thập dữ liệu và đầu tư có trọng điểm nhằm thu hẹp khoảng cách khu vực và phát huy hết tiềm năng kinh tế của ngành này.

Bảng 3. Tỷ lệ trung bình đóng góp của các ngành văn hóa và sáng tạo vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP), theo nhóm khu vực.

Nhóm khu vực	Tỷ lệ phần trăm GDP (%)
Các quốc gia Trung và Nam Á	0.30
Các quốc gia Đông Á và Nam Á	4.11
Các quốc gia châu Âu và Bắc Mỹ	2.66
Các quốc gia Mỹ Latinh và Caribe	2.51
Các quốc gia châu Đại Dương	3.50
Các quốc gia châu Phi hạ Sahara	2.51
Các quốc gia Tây Á và Bắc Phi	2.48
Giá trị trung bình toàn cầu	2.74

Các quốc gia thí điểm trong chương trình Chỉ số Văn hóa|2030 của UNESCO cho thấy sự biến động đáng kể về tỷ lệ đóng góp của sản xuất văn hóa tư nhân và chính thức vào GDP. Điều này đề cập đến các hoạt động văn hóa dựa trên thị trường được thực hiện bởi các cá nhân, doanh nghiệp hoặc tổ chức hoạt động trong nền kinh tế chính thức - những đơn vị được đăng ký chính thức, điều chỉnh và bao gồm trong tài khoản quốc gia. Các hoạt động này chuyển đổi các yếu tố đầu vào, bao gồm lao động, hàng hóa và vốn, thành hàng hóa và dịch vụ văn hóa có thù lao trong các lĩnh vực văn hóa được công nhận. Trong số các quốc gia thí điểm, Bồ Đào Nha dẫn đầu với 5,7%, tiếp theo là Philippines (4,1%) và Burkina Faso (3,3%), trong khi các quốc gia như Mexico (3,0%), Costa Rica (1,9%) và Việt Nam (0,6%) có tỷ lệ đóng góp thấp hơn.

Các trung tâm đô thị còn nhấn mạnh sức mạnh chuyển đổi của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs), với Bá Linh, Thành Đô và Ouagadougou đóng góp

lần lượt 11,0%, 10,9% và 10% vào GDP địa phương (Báo cáo Các Thành phố Sáng tạo UNESCO, Chỉ số Văn hóa|2030 của UNESCO). Các thành phố như Thâm Quyển (7,6%) và Nam Kinh (6,6%) nhấn mạnh vai trò của các khoản đầu tư chiến lược và chính sách địa phương trong thúc đẩy tăng trưởng và đổi mới, thể hiện các khu vực đô thị như những trung tâm chính cho sản xuất và tiêu dùng văn hóa (Báo cáo Các Thành phố Sáng tạo UNESCO).

Tác động của ngành văn hóa đối với việc làm cũng rất đáng kể: vào năm 2025, các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) chiếm trung bình 3,55% tổng số việc làm ở 61 quốc gia có dữ liệu sẵn có (Báo cáo định kỳ Công ước 2005 / Eurostat, 2023). Tỷ lệ này cao hơn một chút ở Phương Bắc Toàn cầu, nơi các công việc trong ngành CCIs chiếm khoảng 3,67% tổng số việc làm, so với 3,39% ở Phương Nam Toàn cầu (Báo cáo định kỳ Công ước 2005). Việc làm trong ngành này bao gồm nhiều hoạt động đa dạng, từ nghệ thuật và thủ công truyền thống đến truyền thông kỹ thuật số và giải trí.

Bảng 4. Số lượng trung bình và tỷ lệ việc làm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) tại các thành phố thành viên Mạng lưới Các Thành phố Sáng tạo của UNESCO (UCCN), theo nhóm khu vực, nhóm thu nhập và phân loại Bắc Toàn cầu/Nam Toàn cầu.

	Số lượng trung bình nhân viên văn hóa trên 100.000 dân	Tỷ lệ trung bình về tổng số việc làm của thành phố
EUNA	11,470	5.8%
ESEA	2,758	2.9%
LAC	2,032	3.4%
OC	1,893	4.3%
WANA	897	8.7%
HI	8,506	4.6%
UMI	2,867	5.6%
LMI	2,254	2.7%
NORTH	8,305	5.0%
SOUTH	2,792	4.4%
Global average	6,627	4.9%

Bảng 4 làm nổi bật sự chênh lệch vùng về việc làm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) giữa các thành phố thuộc Mạng lưới Các Thành phố Sáng tạo của UNESCO. Khu vực châu Âu và Bắc Mỹ (EUNA) có trung bình 11.470 nhân viên mỗi thành phố và tỷ lệ việc làm cao nhất là 5,8%, phản ánh nền kinh tế văn hóa trưởng thành được hỗ trợ bởi các chính sách và cơ sở hạ tầng vững chắc. Tuy nhiên, có sự khác biệt trong phương pháp thu thập dữ liệu và độ tin cậy của dữ liệu

việc làm do tính chất phi chính thức đáng kể của ngành. Điều này một lần nữa cho thấy nhu cầu về một cách tiếp cận thống nhất trong đo lường và thu thập dữ liệu. Khu vực Đông và Đông Nam Á (ESEA) báo cáo trung bình 2.758 nhân viên và tỷ lệ 2,9%, cho thấy các ngành sáng tạo đang phát triển nhưng ít chính thức hơn (Mạng lưới Các Thành phố Sáng tạo của UNESCO). Mỹ Latinh và Caribe (LAC) có xu hướng tương tự, với 2.032 nhân viên và tỷ lệ 3,4%, trong khi châu Đại Dương (OC) có 1.893 nhân viên và tỷ lệ 4,3%, cho thấy sự hiện diện mạnh mẽ của các ngành CCI trong các nền kinh tế đô thị nhỏ hơn. Đáng chú ý, Tây Á và Bắc Phi (WANA) có tỷ lệ việc làm tỷ lệ cao nhất là 8,7%, mặc dù trung bình chỉ có 897 nhân viên, nhấn mạnh tầm quan trọng của ngành trong các thị trường lao động nhỏ hơn (Mạng lưới Các Thành phố Sáng tạo của UNESCO).

Sự chênh lệch này làm nổi bật nhu cầu về các chiến lược đặc thù theo từng vùng nhằm chính thức hóa và mở rộng các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI), khắc phục những thiếu sót về cơ sở hạ tầng và tối đa hóa tiềm năng của chúng như những động lực chính thức đẩy phát triển kinh tế đô thị bao trùm. Các khoảng cách trong thống kê văn hóa và việc sử dụng các phương pháp khác nhau có thể làm sai lệch so sánh giữa các vùng và quốc gia. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc củng cố công tác thu thập và quản lý dữ liệu văn hóa để đảm bảo một cách tiếp cận thống nhất trong xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng và đánh giá so sánh quốc tế.

Điều hướng sự trao đổi toàn cầu về hàng hóa và dịch vụ văn hóa

Các thỏa thuận thương mại công nhận vị trí đặc biệt của hàng hóa và dịch vụ văn hóa rất quan trọng để thúc đẩy trao đổi văn hóa. Nhiều quốc gia đã ký hoặc đang đàm phán các thỏa thuận ưu đãi cho hàng hóa văn hóa, giúp việc vận chuyển chúng quốc tế dễ dàng hơn và nâng cao giá trị kinh tế. Các thỏa thuận này thường bao gồm các quy định bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, rất cần thiết để đảm bảo người sáng tạo và người làm nghề văn hóa được trả công công bằng cho công việc của họ. Tuy nhiên, thương mại toàn cầu vốn không đồng đều, và thương mại văn hóa phản ánh những bất bình đẳng này. Hệ thống hiện tại, do các tập đoàn độc quyền và chuỗi cung ứng do một số ít kiểm soát, thường làm suy yếu sức mạnh đàm phán của các quốc gia ở khu vực toàn cầu phía Nam, khiến các bất cân bằng có lợi cho các nền kinh tế phát triển và người đi trước được duy trì. Thương mại văn hóa thường bị bỏ qua trong các cuộc đàm phán thương mại rộng hơn, làm tăng thêm sự phân biệt đối xử của nó. Hơn nữa, phần lớn thương mại văn hóa hiện nay thuộc lĩnh vực ‘vô hình’ - như nội dung và dịch vụ số - tuy nhiên, thương mại này vẫn còn thiếu quy định chặt chẽ và được tài liệu hóa kém.

Quá trình chuyển đổi số đang làm thay đổi sâu sắc việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ văn hóa, giúp chúng trở nên dễ tiếp cận hơn thông qua các nền tảng như dịch

vụ phát trực tuyến và chợ trực tuyến. Trong khi những phát triển này tạo ra cơ hội doanh thu mới cho nghệ sĩ và doanh nhân văn hóa, chúng cũng mang lại nhiều thách thức đáng kể. Các nền tảng phát trực tuyến chi phối chuỗi giá trị âm nhạc bằng cách chiếm tỷ trọng doanh thu không cân xứng và làm gia tăng khoảng cách giá trị. Hệ thống chia sẻ doanh thu hiện tại thường ưu ái những nghệ sĩ nổi tiếng, khiến các nghệ sĩ nhỏ lẻ hoặc độc lập gặp bất lợi. Sự tập trung thị trường này làm suy yếu tính đa dạng và trả công công bằng trong toàn ngành. Một vấn đề khác là cách các nền tảng số tạo điều kiện cho việc buôn bán hàng hóa văn hóa phi pháp, khiến các quốc gia gặp khó khăn trong việc theo kịp quá trình nhanh chóng và thoáng qua trong việc quảng bá và phân phối các sản phẩm văn hóa bất hợp pháp và thường bị đánh cắp.

Trong trường hợp hàng hóa văn hóa vật thể, các nhà tổ chức địa phương và các bên trung gian quốc tế chi phối các giao dịch. Một kết quả tích cực là các trang này có thể tạo bối cảnh cho sản phẩm thông qua các video về các nghệ sĩ trong cộng đồng của họ, từ đó tăng giá trị sản phẩm. Ngược lại, họ cũng có thể lợi dụng, chiếm tỷ lệ phần trăm lớn từ doanh thu bán hàng và quyền sở hữu trí tuệ.

Các thách thức tiếp theo bao gồm vi phạm bản quyền phổ biến, sự đứt gãy của các mô hình kinh doanh truyền thống và các thực hành khai thác như hợp đồng mua đứt làm suy giảm quyền của người sáng tạo. Hơn nữa, có một khoảng cách rõ ràng về giới trong hệ thống sở hữu trí tuệ: nghiên cứu của WIPO cho thấy phụ nữ sử dụng hệ thống sở hữu trí tuệ ít hơn nam giới nhiều. Kết quả là phụ nữ ít được bảo vệ và hưởng lợi như là những người sáng tạo và đổi mới, điều này làm giảm động lực sáng tạo của họ. Báo cáo của WIPO tóm tắt rằng "tất cả các thông tin có sẵn đều cho thấy phụ nữ còn tụt hậu so với nam giới trong các ngành công nghiệp sáng tạo" (WIPO, 2018).

Sự tăng trưởng của trí tuệ nhân tạo làm gia tăng các vấn đề nêu trên, cho phép việc sử dụng tác phẩm sáng tạo trái phép và đặt ra những mối đe dọa mới đối với quyền sở hữu trí tuệ. Chính phủ và các chính sách văn hóa cần giải quyết những thất bại thị trường này thông qua các khuôn khổ pháp lý vững chắc, cơ chế chia sẻ doanh thu công bằng và hỗ trợ có mục tiêu cho các nhà sáng tạo nhỏ hơn.

Các khu vực có thu nhập cao như châu Âu, Bắc Mỹ và Đông Á chi phối thương mại văn hóa thông qua các chiến lược xuất khẩu tương đối mạnh mẽ và cơ sở hạ tầng số tiên tiến, tận dụng tài sản văn hóa để đảm bảo các thỏa thuận thương mại ưu đãi và mở rộng ảnh hưởng toàn cầu. Ngược lại, các khu vực mới nổi và đặc biệt là các vùng nông thôn đối mặt với những thách thức như hạn chế về nguồn lực và cơ sở hạ tầng nhưng có nỗ lực ngày càng tăng để phát triển hàng hóa văn hóa xuất khẩu, đặc biệt là trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm dựa trên di sản.

Các hiệp định ưu đãi đóng vai trò thiết yếu trong việc phát triển ngành, với 83% các quốc gia thuộc khu vực Toàn cầu phía Nam báo cáo được hưởng lợi so với 14% ở khu vực Toàn cầu phía Bắc (Báo cáo định kỳ Công ước 2005). Các biện pháp

này giúp thúc đẩy xuất khẩu văn hóa, tạo việc làm và đa dạng hóa nền kinh tế, đồng thời tạo cơ hội cho khu vực Toàn cầu phía Nam tiếp cận các thị trường mới và nâng cao sự hiện diện của các sản phẩm văn hóa của họ. Tuy nhiên, việc tăng thuế quan toàn cầu đang đe dọa những thành tựu này.

Phát triển du lịch văn hóa bền vững dựa trên cộng đồng

Du lịch văn hóa, được thúc đẩy bởi sự quan tâm đến di sản, nghệ thuật và truyền thống, tích hợp sâu sắc với văn hóa thông qua nhiều hình thức khác nhau như du lịch di sản, du lịch sáng tạo và các chính sách du lịch bền vững. Sự đa dạng ngày càng tăng của du lịch văn hóa mở ra những con đường hướng tới phát triển kinh tế bao trùm và bền vững hơn, nhưng vẫn còn nhiều cơ hội để đổi mới và tiến bộ trong lĩnh vực này. Du lịch di sản tập trung vào các di tích văn hóa, lịch sử và bảo tàng, trong khi du lịch sáng tạo nhấn mạnh trải nghiệm tham gia như các hội thảo. Các mô hình du lịch bền vững nhằm giải quyết những thách thức như tình trạng du lịch quá tải, sự xuống cấp của di sản và môi trường, khuyến khích các thực hành như du lịch ngoài mùa cao điểm và giới hạn số lượng khách tham quan tại các địa điểm nhạy cảm.

Năm 2023, du lịch văn hóa tại 250 thành phố đã tạo ra doanh thu ước tính 752,2 tỷ USD từ khách du lịch lưu trú qua đêm, cả trong nước và quốc tế (BOP Consulting, 2025). Không có gì ngạc nhiên khi Trung Quốc và Hoa Kỳ - hai nền kinh tế lớn nhất thế giới - dẫn đầu chỉ tiêu cho du lịch văn hóa, phần lớn nhờ thị trường nội địa rộng lớn của họ. Tác động kinh tế của du lịch được hình thành bởi các mạng lưới cung ứng phức tạp kết nối vận chuyển, chỗ ở, nhà hàng, địa điểm văn hóa, bảo tàng và các xưởng thủ công. Tuy nhiên, các mạng lưới này phải cân bằng lợi ích kinh tế với việc bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường, đòi hỏi các chiến lược có sự tham gia của các bên liên quan địa phương trong việc lên kế hoạch và ưu tiên các thực hành bền vững nhằm bảo vệ và nâng cao giá trị tài sản văn hóa. Điều này bao gồm cả sự chú ý đến khía cạnh giới trong du lịch văn hóa, nơi phụ nữ chiếm tỷ lệ cao làm việc trong các vai trò phi chính thức không có bảo đảm và đối mặt với nguy cơ bị khai thác cao, trong khi việc quản lý rủi ro còn yếu.

Du lịch văn hóa bền vững là một con đường quan trọng giúp văn hóa thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững và bao trùm. Các chiến lược du lịch liên quan nhằm bảo vệ di sản văn hóa và thúc đẩy sáng tạo cho các thế hệ hiện tại và tương lai, đồng thời nuôi dưỡng tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy sự hòa nhập xã hội thông qua việc trao quyền thực sự trong quá trình ra quyết định. Các quốc gia đã áp dụng nhiều chiến lược khác nhau để thúc đẩy du lịch văn hóa bền vững, bao gồm các kế hoạch quản lý di sản, đào tạo cho cộng đồng địa phương và thực hiện các chính sách khuyến khích các thực hành du lịch có trách nhiệm. Ví dụ, các di sản thế giới thường tuân thủ các hướng dẫn cụ thể để quản lý hoạt động du lịch, bảo tồn giá trị văn hóa, thiên nhiên và lịch sử đồng thời tối đa hóa lợi ích kinh tế. Các chiến dịch nâng cao nhận thức, như tại các

sân bay Thổ Nhĩ Kỳ cảnh báo du khách về nguy cơ buôn bán tài sản văn hóa phi pháp, thể hiện nỗ lực bảo vệ di sản khỏi sự khai thác.

Du lịch văn hóa bền vững bao gồm nhiều ưu tiên: giảm thiểu tác động môi trường bằng cách giới hạn số lượng khách tham quan tại các di tích di sản và khuyến khích du lịch có trách nhiệm; thúc đẩy phát triển kinh tế thông qua việc tạo việc làm; hỗ trợ các nghệ nhân địa phương và phát triển các biểu diễn, lễ hội truyền thống; và mang lại lợi ích xã hội bằng cách bảo tồn bản sắc cộng đồng, nâng cao niềm tự hào địa phương và đảm bảo du lịch mang lại lợi ích cho cư dân cũng như khách tham quan.

Chính sách du lịch giá trị cao, tác động thấp của Bhutan là một ví dụ điển hình về du lịch văn hóa bền vững (Sirvastava, 2023). Bằng cách giới hạn số lượng khách du lịch thông qua mức phí hàng ngày và yêu cầu có hướng dẫn viên địa phương, Bhutan bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên đồng thời chuyển nguồn thu từ du lịch vào nền kinh tế địa phương. Cách tiếp cận này hỗ trợ các nghề thủ công truyền thống và lễ hội, thúc đẩy bảo tồn văn hóa và đảm bảo cư dân địa phương được lợi từ du lịch mà không chịu những tác động tiêu cực như quá tải khách hoặc suy thoái môi trường. Tại các khu vực đô thị lịch sử, các chính sách được thực hiện cẩn thận có thể nâng cao việc bảo tồn văn hóa và tăng doanh thu du lịch, điều này rất quan trọng cho phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt khi các mô hình quản trị tham gia phối hợp với cộng đồng địa phương trong việc gìn giữ di sản và cảnh quan thiên nhiên.

Việc tích hợp các quan điểm sinh thái vào các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) mang lại cơ hội để đồng bộ hóa các ngành này với các mục tiêu bền vững rộng hơn. Các thực hành có ý thức về môi trường như sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm thiểu chất thải và nguồn nguyên liệu bền vững ngày càng được công nhận là yếu tố quan trọng để giảm dấu chân sinh thái của các ngành công nghiệp sáng tạo. Báo cáo Kinh tế Sáng tạo 2030 nhấn mạnh sự phù hợp của những thực hành này với các khung khổ rộng lớn hơn như các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

Dự án Phát triển Doi Tung ở Thái Lan là một ví dụ minh họa cho phương pháp sáng tạo trong việc kết hợp bảo tồn di sản văn hóa với bảo vệ môi trường. Nằm ở khu vực trước đây bị tàn phá rừng, dự án đã phục hồi hệ sinh thái thông qua việc trồng lại rừng và canh tác bền vững, đồng thời khôi phục các nghề thủ công truyền thống như dệt và làm gốm. Bằng việc sử dụng lao động địa phương, đặc biệt là phụ nữ, sáng kiến này thúc đẩy sự tiếp nối văn hóa và tạo ra sinh kế bền vững. Dự án thành công nổi bật nhờ phương pháp tích hợp, cùng lúc giải quyết các khía cạnh xã hội, văn hóa và môi trường của phát triển. Tác động của nó bao gồm cải thiện đa dạng sinh học, giảm nghèo đói và bảo tồn di sản văn hóa, khiến nó trở thành mô hình phát triển bền vững được công nhận rộng rãi trong các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo. Những ví dụ như vậy nhấn mạnh khả năng đóng góp của ngành không chỉ qua biểu hiện nghệ

thuật mà còn bằng cách lồng ghép nguyên tắc sinh thái vào hoạt động và chiến lược gắn kết cộng đồng.

Đầu tư bền vững trong ngành văn hóa – các biện pháp trực tiếp và gián tiếp

Các nhà kinh tế văn hóa (ví dụ, W. Baumol, A. Pratt và D. Ilczuk) đã nhấn mạnh rằng việc sản xuất và phân phối hàng hóa văn hóa thường vẫn tiêu tốn nhiều tài nguyên và kinh tế yếu ớt. Điều này do nhu cầu phức tạp và không ổn định, rào cản về tài chính và mức độ phi chính thức cao. Trong khi nhiều quốc gia (đặc biệt là ở khu vực Toàn cầu phía Bắc) có truyền thống lâu dài trong việc hỗ trợ các hoạt động văn hóa bằng các khoản trợ cấp và xây dựng mô hình kinh tế hỗn hợp cho văn hóa, thì phương pháp này không được áp dụng đồng đều trên tất cả các khu vực. Ở nhiều quốc gia, tài chính văn hóa đã chuyển từ các mô hình được nhà nước hỗ trợ sang khung kinh tế thị trường tự do hơn với sự giảm đầu tư công và nhấn mạnh vào tính tự chủ thông qua các doanh nghiệp thương mại, từ thiện và mạng lưới phi chính thức. Tuy nhiên, ở một số quốc gia, đặc biệt là khu vực Toàn cầu phía Nam, không tồn tại mô hình trợ cấp công, phần lớn tài chính văn hóa đến từ khu vực tư nhân, các tổ chức phi chính phủ quốc tế hoặc thông qua các hoạt động tự tài trợ hoặc hỗ trợ hiện vật.

Sự chuyển đổi này đặt ra những thách thức đáng kể, và trong khi ngành văn hóa thương mại đã phát triển, nó phụ thuộc nhiều - nhưng thường không được nhìn thấy - vào các khu vực phi lợi nhuận và phi chính thức tạo nền tảng cho sự bền vững của nó. Những thay đổi này đòi hỏi một tư duy doanh nhân trong ngành văn hóa, thúc đẩy các nghệ sĩ và tổ chức tìm kiếm các nguồn tài trợ đa dạng, từ tài trợ và gây quỹ cộng đồng đến các chiến lược dựa trên thị trường. Tuy nhiên, mô hình này có nguy cơ làm lu mờ các sáng kiến văn hóa không hấp dẫn về mặt thương mại nhưng rất cần thiết cho sự đa dạng văn hóa và bảo tồn di sản.

Nỗi khó xử nằm ở cách các quốc gia nhận thức và đánh giá giá trị của văn hóa. Mô hình nhà nước phúc lợi hay mô hình đầu tư xã hội coi việc hỗ trợ văn hóa như một lợi ích công cộng, gắn liền với sự gắn kết xã hội và bản sắc. Mô hình kinh tế thị trường tự do ngày càng xem văn hóa là một hàng hóa theo định hướng thị trường, làm dấy lên các câu hỏi về quyền tiếp cận, công bằng và sự bền vững lâu dài của văn hóa. Sự chuyển đổi đang diễn ra này đòi hỏi một cuộc tranh luận quốc tế về vai trò của văn hóa trong xã hội, các cơ chế tài chính của nó và cách các quốc gia và các tác nhân toàn cầu có thể cân bằng giữa sự hỗ trợ công, thương mại và từ thiện để đảm bảo văn hóa vẫn giữ được ý nghĩa quan trọng trong nền kinh tế thay đổi nhanh chóng.

Đầu tư công vào ngành văn hóa là điều thiết yếu để duy trì di sản văn hóa và thúc đẩy các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo (CCIs) bao trùm. Việc tài trợ rất quan trọng đối với các tổ chức không tạo ra đủ doanh thu qua bán vé hoặc các khoản quyên góp tư nhân. Ví dụ, chính phủ New Zealand đã hỗ trợ các tổ chức văn hóa của

mình thông qua các khoản phân bổ hàng năm từ ngân sách nhà nước nhằm đảm bảo nghệ thuật tiếp cận được với tất cả người dân New Zealand.

Sự phát triển bền vững của văn hóa phụ thuộc vào hệ thống tài chính đa dạng, mỗi hệ thống có những ưu điểm và hạn chế riêng. Ở châu Âu, mô hình phổ biến nhất ưu tiên tài trợ công, đảm bảo khả năng tiếp cận và hỗ trợ nhiều hoạt động văn hóa. Mô hình này thúc đẩy sự bao trùm và ổn định, nhưng thường phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước lớn, dễ bị tổn thương trước suy thoái kinh tế hoặc biến động chính trị. Ngược lại, mô hình ở một số quốc gia không có truyền thống đầu tư xã hội vào nghệ thuật tập trung nhiều hơn vào các tổ chức phi lợi nhuận và từ thiện, khuyến khích các khoản quyên góp tư nhân và tài trợ. Cách tiếp cận này có thể thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và đổi mới, nhưng cũng có nguy cơ phụ thuộc quá nhiều vào các lực lượng thị trường, điều này trong một số trường hợp có thể ưu tiên các dự án có khả năng thương mại hơn là các sáng kiến quan trọng về văn hóa nhưng lợi nhuận thấp hơn.

Các hệ thống tài chính đa dạng có tầm quan trọng lớn đối với sự phát triển bền vững của văn hóa, mỗi hệ thống mang theo những lợi thế và hạn chế riêng. Ở châu Âu, mô hình phổ biến nhất ưu tiên việc tài trợ công nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận và hỗ trợ nhiều hoạt động văn hóa khác nhau. Mô hình này thúc đẩy tính bao trùm và ổn định, tuy nhiên lại phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, dễ bị ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế hoặc biến động chính trị. Ngược lại, một số quốc gia không có truyền thống đầu tư xã hội vào nghệ thuật lại tập trung mạnh vào khu vực phi lợi nhuận và từ thiện, khuyến khích quyên góp tư nhân và tài trợ. Cách tiếp cận này có thể khuyến khích sự tham gia cộng đồng và đổi mới sáng tạo, nhưng cũng có nguy cơ phụ thuộc quá mức vào các lực lượng thị trường, có thể làm ưu tiên các dự án thương mại có lợi nhuận hơn trong khi các sáng kiến văn hóa quan trọng nhưng ít lợi nhuận hơn lại bị bỏ qua. Do đó, một mô hình tài chính kết hợp giữa đầu tư công và tư nhân được xem là phương án cân bằng nhằm đảm bảo tính ổn định và sức sống lâu dài cho ngành văn hóa.

Ngân sách bình quân đầu người cho văn hóa, được đo bằng USD theo nhóm khu vực, cho thấy sự chênh lệch đáng kể trong đầu tư văn hóa trên toàn thế giới. Châu Âu và Bắc Mỹ dẫn đầu với khoảng cách lớn, với ngân sách văn hóa bình quân đầu người là 418,56 đô la, phản ánh các khung pháp lý mạnh mẽ, ưu tiên văn hóa như một thành phần then chốt của phát triển và bản sắc, cùng với quy mô nền kinh tế của hai khu vực này (Báo cáo Định kỳ Công ước 2005). Tuy nhiên, do kích thước mẫu được sử dụng để đo giá trị trung bình (khi các quốc gia ngoại lệ có đầu tư văn hóa rất cao hoặc rất thấp có thể làm lệch giá trị trung bình tổng thể), cũng cần xem xét các giá trị trung vị.

Bảng 5 dưới đây trình bày tổng quan về sự kết hợp giữa các giá trị trung vị, giá trị tối thiểu và giá trị tối đa của đầu tư văn hóa. Ngoài phân tích này, mỗi liên hệ giữa

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia và chi tiêu cho văn hóa cũng rất quan trọng. Ví dụ, mức chi tiêu tối thiểu của các quốc gia có thu nhập cao cao hơn hơn 20 lần so với mức chi tiêu tối đa ở các quốc gia thu nhập thấp – và thậm chí gần gấp đôi so với các quốc gia có thu nhập trung bình cao. Điều này thể hiện sự chênh lệch lớn trong ngân sách văn hóa trên toàn thế giới, minh họa sự khác biệt về khả năng đầu tư.

	Giá trị trung vị	Giá trị tối thiểu	Giá trị tối đa	Độ lệch chuẩn
LI	\$0.15	\$0.07	\$0.07	0.38
LMI	\$2.74	\$0.29	\$0.29	8.42
UMI	\$11.79	\$4.95	\$4.95	4.38
HI	\$349.00	\$20.85	\$20.85	391.17
GLOBAL	\$6.32	\$0.07	\$1,400.98	277.03

Sự chênh lệch này làm nổi bật nhu cầu về sự công bằng toàn cầu hơn trong tài trợ văn hóa. Các khu vực có đầu tư bình quân đầu người thấp sẽ được hưởng lợi từ hợp tác quốc tế và chia sẻ kiến thức để xây dựng năng lực và nâng cao vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững. Dữ liệu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ưu tiên văn hóa trong chi tiêu công nhằm thúc đẩy đổi mới, sự gắn kết xã hội và tăng trưởng kinh tế ở tất cả các khu vực.

Các cam kết gần đây nhấn mạnh tầm quan trọng này. Hiệp ước vì Tương lai (Pact for the Future) làm nổi bật vai trò trung tâm của văn hóa trong phát triển bền vững và hòa nhập xã hội, nhấn mạnh nhu cầu tiếp tục tài trợ công. Tương tự, Tuyên bố Văn hóa G20 mới nhất khẳng định cam kết của các quốc gia thành viên đối với bảo tồn văn hóa, đổi mới và tiếp cận công bằng, coi văn hóa là một hàng hóa công cộng thiết yếu trong đối thoại và hợp tác toàn cầu. Những sáng kiến này thể hiện sự công nhận ngày càng tăng về trách nhiệm của nhà nước trong việc duy trì hệ sinh thái văn hóa và khai thác tiềm năng của chúng cho sự tiến bộ xã hội, kinh tế và ngoại giao.

Tài trợ di sản

Việc tài trợ cho bảo tồn di sản là một khía cạnh quan trọng của đầu tư công vào ngành văn hóa, bao gồm việc bảo tồn, bảo vệ và trưng bày cả di sản hữu hình và phi vật thể, như được quy định trong các Công ước Văn hóa của UNESCO. Những nỗ lực này không chỉ đảm bảo việc bảo vệ các di tích và thực hành văn hóa cho các thế hệ tương lai mà còn củng cố vai trò của chúng như những động lực then chốt cho du lịch văn hóa và bản sắc cộng đồng.

Việc bảo tồn di sản hiệu quả đòi hỏi cả đầu tư tài chính và quản lý chiến lược, với nhiều quốc gia thực hiện các kế hoạch quản lý di sản toàn diện để hướng dẫn công tác bảo tồn. Ví dụ, trong khi việc ghi danh một địa điểm vào Danh sách Di sản Thế giới của UNESCO mang lại sự công nhận quốc tế, nó cũng đi kèm với các trách

nhiệm hành chính tăng cao và chi phí tài chính cho chính quyền quốc gia và cộng đồng địa phương. Ở Tanzania, việc bảo tồn Khu Bảo tồn Ngorongoro minh họa cho sự tương tác này: việc duy trì khu vực, giám sát các chỉ số môi trường và văn hóa cũng như quản lý lưu lượng khách du lịch đòi hỏi nguồn lực địa phương đáng kể. Để giải quyết những thách thức này, nhiều kế hoạch nhấn mạnh việc xây dựng năng lực, như đào tạo cộng đồng địa phương về kỹ thuật bảo tồn và tham gia họ vào quy trình ra quyết định, thường áp dụng cách tiếp cận nhạy cảm với giới tính. Phương pháp này không chỉ giảm chi phí mà còn đảm bảo sự bền vững của các nỗ lực bảo tồn bằng cách thúc đẩy sự sở hữu và chuyên môn của cộng đồng địa phương. Những chiến lược như vậy làm nổi bật tầm quan trọng của việc phối hợp đầu tư và sự tham gia cộng đồng để cân bằng các yêu cầu tài chính và thực tiễn trong quản lý di sản.

Tỷ lệ trung bình phần trăm chi tiêu công hàng năm được phân bổ cho việc xác định, bảo tồn, bảo vệ và trưng bày di sản văn hóa và thiên nhiên thay đổi đáng kể giữa các khu vực và nhóm thu nhập, phản ánh sự khác biệt về ưu tiên chính sách và mức độ sẵn có của nguồn lực.

Trên toàn cầu, trung bình phần trăm chi tiêu công được phân bổ cho di sản văn hóa là 0,67% và di sản thiên nhiên là 0,69%. Khi phân tích theo nhóm khu vực, Mỹ Latinh và vùng Caribê (LAC) có tỷ lệ trung bình cao nhất cho di sản văn hóa với 0,87%, trong khi khu vực Châu Đại Dương (OC) dẫn đầu về đầu tư vào di sản thiên nhiên với 1,95% chi tiêu công được dành cho lĩnh vực này.

Khu vực Tây Á và Bắc Phi (WANA) phân bổ 0,73% cho di sản văn hóa và 0,79% cho di sản thiên nhiên, cho thấy cam kết tương đối cân bằng. Châu Phi hạ Sahara (SSA) có tỷ lệ đầu tư hơi thấp hơn nhưng tương tự, với 0,69% cho di sản văn hóa và 0,70% cho di sản thiên nhiên. Trung và Nam Á (CSA) chỉ 0,58% và 0,60%, trong khi Đông và Đông Nam Á (ESEA) phân bổ 0,48% cho di sản văn hóa nhưng đầu tư đáng kể hơn ở mức 0,79% cho di sản thiên nhiên, cho thấy khu vực này đang ngày càng chú trọng tới bảo tồn môi trường.

Bảng 6. Tỷ lệ phần trăm trung bình của tổng chi tiêu công hàng năm dành cho việc xác định, bảo tồn, bảo vệ và trưng bày di sản văn hóa và thiên nhiên, phân theo các nhóm khu vực, nhóm thu nhập, và nhóm Bắc bán cầu/ Nam bán cầu toàn cầu.

Nhóm quốc gia	Tỷ lệ phần trăm trung bình của ngân sách dành cho di sản văn hóa (%)	Tỷ lệ phần trăm trung bình của ngân sách dành cho di sản thiên nhiên (%)
Tổng toàn cầu	0.67	0.69
CSA	0.58	0.60
EASA	0.48	0.79
EUNA	0.58	0.49

LAC	0.87	0.73
OC	0.86	1.95
SSA	0.69	0.70
WANA	0.73	0.79
HI	0.57	0.59
UMI	0.74	0.57
LMI	0.53	0.55
LI	0.81	0.95
Toàn cầu Bắc	0.56	0.50
Toàn cầu Nam	0.74	0.75

Châu Âu và Bắc Mỹ (EUNA) đầu tư 0,58% vào di sản văn hóa và chỉ 0,49% vào di sản thiên nhiên, đặt họ dưới mức trung bình toàn cầu. Điều này chủ yếu là do mức chi tiêu công tổng thể cao của họ hơn là do thiếu đầu tư vào di sản văn hóa và thiên nhiên.

Những sự chênh lệch vùng này nhấn mạnh nhu cầu hỗ trợ có mục tiêu cho các khu vực thiếu hụt tài trợ nhằm bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên. Hợp tác quốc tế nhiều hơn, xây dựng năng lực và tăng cường nguồn vốn có thể giúp thu hẹp khoảng cách, cho phép các khu vực có nguồn tài nguyên di sản phong phú nhưng dễ tổn thương đảm bảo sự bảo tồn lâu dài và khai thác hiệu quả phục vụ phát triển xã hội và kinh tế.

Đầu tư cơ sở hạ tầng văn hóa

Cơ sở hạ tầng văn hóa bao gồm một phạm vi rộng lớn hơn cả các công trình vật chất, gồm các cơ sở, chương trình, tổ chức và thiết chế hỗ trợ đời sống văn hóa. Justin O'Connor, trong tác phẩm "Culture is Not an Industry" (2024), nhấn mạnh tính đa diện của cơ sở hạ tầng văn hóa. Cơ sở hạ tầng này hỗ trợ du lịch, bao gồm khách sạn, đường xá và sân bay, kết nối các trải nghiệm văn hóa với hoạt động kinh tế rộng lớn hơn. Ngoài ra, cơ sở hạ tầng bao gồm các yếu tố "cứng" như các trung tâm văn hóa và địa điểm biểu diễn, cũng như các yếu tố "mềm" như các chương trình đào tạo và sáng kiến xây dựng khán giả nhằm phát triển chuyên môn và thúc đẩy sự tham gia văn hóa sâu rộng hơn.

Mặc dù các dự án danh tiếng quy mô lớn thường chiếm ưu thế trong đầu tư, các không gian nhỏ hơn, không chính thức - như các phòng thu hoặc địa điểm cộng đồng - đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ sản xuất văn hóa từ cơ sở. Điều này thường bị bỏ qua trong chính sách văn hóa, vốn thường ưu tiên cơ sở hạ tầng dễ thấy hơn những yếu tố ít hào nhoáng nhưng thiết yếu để duy trì sáng tạo và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Hơn nữa, cơ sở hạ tầng văn hóa hiệu quả không chỉ đòi hỏi không gian vật lý mà còn cần các hệ thống quản lý mạnh mẽ, kết nối chặt chẽ giữa cơ sở hạ tầng 'mềm' và 'cứng'. Sự phân biệt này đã được UNESCO công nhận trong Bộ

Chỉ số Văn hóa|2030, trong đó dữ liệu được thu thập riêng biệt về các trung tâm văn hóa và không gian cộng đồng.

Sự giao thoa giữa chính sách văn hóa với chiến lược công nghiệp và tái tạo đô thị làm cho cuộc thảo luận và phân tích thêm phần phức tạp. Các trung tâm văn hóa có thể thúc đẩy phát triển kinh tế, nhưng điều này đòi hỏi một chiến lược công nghiệp phù hợp, kết hợp chính sách văn hóa với các mục tiêu kinh tế rộng lớn hơn. Ví dụ, Chỉ số Cơ sở Hạ tầng Văn hóa 2023 của AEA Consulting nêu bật các xu hướng toàn cầu trong đầu tư văn hóa, nhấn mạnh sự cần thiết của các cách tiếp cận cân bằng tích hợp giữa cơ sở hạ tầng 'cứng' và 'mềm' đồng thời giải quyết các khía cạnh kinh tế và xã hội trong phát triển đô thị. Những chiến lược tích hợp như vậy là rất quan trọng để tối đa hóa tác động của cơ sở hạ tầng văn hóa đối với tái tạo, sản xuất và phúc lợi cộng đồng.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng văn hóa là một khía cạnh quan trọng trong chi tiêu công và tư, bao gồm việc xây dựng và bảo trì các cơ sở như trung tâm văn hóa, không gian biểu diễn và các trung tâm sáng tạo. Trong khi đầu tư công thường cung cấp sự hỗ trợ thiết yếu cho các không gian tập trung vào cộng đồng, đầu tư tư nhân ngày càng trở nên quan trọng trong việc định hình cơ sở hạ tầng văn hóa trên toàn cầu. Theo Chỉ số Cơ sở Hạ tầng Văn hóa 2023 của AEA Consulting, các đóng góp từ khu vực tư nhân hiện đóng vai trò lớn trong việc tài trợ các dự án văn hóa quy mô lớn, thường thông qua các quan hệ đối tác công - tư (PPP).

Những hợp tác này cho phép phát triển các địa điểm tiêu biểu và các trung tâm sáng tạo theo định hướng thương mại hơn, chia sẻ trách nhiệm tài chính và vận hành giữa chính phủ và các tổ chức tư nhân. Ví dụ, các quan hệ đối tác công - tư (PPP) có thể hỗ trợ không chỉ việc tạo ra các không gian vật lý mà còn cả quản lý liên tục và các chương trình cần thiết để đảm bảo các cơ sở này luôn sinh động và dễ tiếp cận. Những khoản đầu tư như vậy làm nổi bật sự chuyển đổi trong cách thức tài trợ cơ sở hạ tầng văn hóa, nơi các khu vực công và tư phải phối hợp chặt chẽ để đáp ứng các nhu cầu đa dạng về sản xuất văn hóa, sự tham gia cộng đồng và phát triển kinh tế.

Trong những năm gần đây, các chính phủ ngày càng nhận thức rõ vai trò của cơ sở hạ tầng văn hóa trong việc thúc đẩy sự tham gia văn hóa và đã có cách tiếp cận toàn diện hơn đối với phát triển kinh tế. Ví dụ, Kế hoạch Nghệ thuật SG của Singapore (2018–2023) đã phân bổ 1,2 tỷ đô la Singapore – tăng đáng kể so với mức tài trợ trước đây – nhằm nâng cao các không gian văn hóa, thúc đẩy tài năng nghệ thuật địa phương và tích hợp văn hóa vào các chiến lược phát triển đô thị (Hội đồng Nghệ thuật Quốc gia Singapore, 2023). Kết quả ban đầu cho thấy việc cải thiện tiếp cận các cơ sở văn hóa, tăng sự tham gia cộng đồng trong các chương trình nghệ thuật và nâng cao sự hiện diện của các nghệ sĩ địa phương trên các nền tảng quốc tế. Các khoản đầu tư như vậy minh họa cách tài trợ chiến lược cho cơ sở hạ tầng văn hóa có thể mang lại lợi ích cả về văn hóa và kinh tế, trở thành mô hình cho

các nhà hoạch định chính sách toàn cầu. Quỹ cấu trúc của Liên minh châu Âu, đặc biệt là Quỹ Phát triển Khu vực châu Âu (ERDF), đóng vai trò quan trọng trong phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa tại các nước thành viên, bao gồm cả cơ sở hạ tầng số. Ngoài việc hỗ trợ xây dựng và hiện đại hóa các bảo tàng, nhà hát, trung tâm nghệ thuật và thư viện, các quỹ này còn cho phép đầu tư đáng kể vào các nền tảng kỹ thuật số, số hóa các bộ sưu tập văn hóa và các công cụ tiên tiến để quản lý và chia sẻ nguồn tài nguyên văn hóa (Ủy ban châu Âu, 2021).

Bằng việc số hóa các bộ sưu tập và tạo ra các nền tảng trực tuyến, các tổ chức văn hóa có thể tiếp cận được khán giả rộng lớn và đa dạng hơn, bao gồm cả những người ở các khu vực xa xôi hoặc chưa được phục vụ đầy đủ. Trong điều kiện tối ưu, việc tăng khả năng tiếp cận này thúc đẩy sự bao gồm và tham gia văn hóa, cho phép mọi người từ nhiều nền tảng khác nhau tương tác với các sản phẩm và trải nghiệm văn hóa. Hơn nữa, các khoản đầu tư như vậy kích thích sự đổi mới trong lĩnh vực văn hóa, giúp phát triển các định dạng tương tác và nhập vai như triển lãm thực tế ảo hoặc lưu trữ kỹ thuật số, làm phong phú thêm sự tham gia văn hóa và thu hút khán giả mới. Ví dụ, Bảo tàng Áo các Vật phẩm Văn hóa Bị Trộm của UNESCO (cũng được đề cập trong Chương 2) nâng cao nhận thức công chúng về việc buôn bán bất hợp pháp tài sản văn hóa và tác động của nó đối với cộng đồng bị tước đoạt di sản văn hóa. Ở cấp quốc gia, các dự án đổi mới như Magnify Miniatures sử dụng công nghệ học máy tiên tiến và hình ảnh robot để cho phép người dùng khám phá các chi tiết tinh xảo của các tác phẩm nghệ thuật, làm cho di sản văn hóa trở nên sinh động và dễ tiếp cận hơn. Những sáng kiến này cho thấy cơ sở hạ tầng số không chỉ nâng cao khả năng tiếp cận và sự đa dạng của các sản phẩm văn hóa mà còn khuếch đại tác động xã hội và kinh tế, đồng thời thúc đẩy bảo tồn và đổi mới văn hóa trên quy mô toàn cầu.

Tính bao gồm và bền vững làm nền tảng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI)

Sự bao gồm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) không chỉ là vấn đề công bằng mà còn là nền tảng của nền dân chủ, tính minh bạch và sự thực hiện đầy đủ tiềm năng sáng tạo cũng như kinh tế. Việc không hỗ trợ các nhóm bị cô lập không chỉ làm suy yếu cơ hội của họ mà còn ảnh hưởng đến tiềm năng chung của hệ sinh thái văn hóa trong việc đổi mới và phát triển. Điều này đặc biệt quan trọng tại các nước thuộc Nam bán cầu toàn cầu, nơi đa số dân số là giới trẻ và họ là yếu tố then chốt cho tương lai phát triển văn hóa và kinh tế. Ưu tiên sự bao gồm của họ đảm bảo năng lượng sáng tạo và quan điểm của họ góp phần hình thành các ngành văn hóa công bằng và năng động hơn. Điều này đồng thời tạo nền tảng cho nền kinh tế bền vững và toàn diện hơn, trong đó các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo đóng vai trò quan trọng và ngày càng phát triển. Trong bối cảnh này, Chương trình Antigua và Barbuda cho các Quốc đảo Nhỏ (ABAS) ghi nhận rõ ràng văn hóa là đòn bẩy để đạt được bình đẳng giới, trao quyền cho thanh niên và không để ai bị bỏ lại phía sau, khi

nó góp phần tạo cơ hội tìm kiếm sinh kế thay thế và đảm bảo sự bao gồm tài chính, kinh tế và xã hội của họ (Liên Hợp Quốc, 2024).

Như được nêu trong báo cáo "Empowering Creativity" của UNESCO, thúc đẩy sự đa dạng, bình đẳng và bao gồm trong các hệ thống văn hóa có thể tạo ra tác động chuyển đổi, củng cố cả sự tham gia dân chủ và nền kinh tế văn hóa. Báo cáo minh họa cách các chính sách văn hóa có thể giải quyết bất bình đẳng cấu trúc: tại Togo, Chính sách Quốc gia về Bình đẳng và Công bằng Giới xác định các rào cản xã hội và văn hóa đối với việc trao quyền cho phụ nữ và đề xuất các cải cách thể chế để giải quyết chúng. Ở Costa Rica, các bàn tròn với các nghệ sĩ trẻ được chương trình UNESCO-Aschberg hỗ trợ đã đóng góp vào việc sửa đổi Chính sách Quốc gia về Quyền Văn hóa, dựa trên ý kiến của hơn 300 người tham gia để định nghĩa công việc tử tế trong nghệ thuật. Cả hai trường hợp này cho thấy chính sách văn hóa bao gồm có thể tạo tiếng nói cho các cộng đồng bị ít đại diện và thúc đẩy công bằng.

Các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) có tiềm năng đáng kể trong việc tăng cường sự bao gồm cho các nhóm dễ bị tổn thương như thanh niên, người cao tuổi, các dân tộc thiểu số và người dân bản địa. Bằng cách thu hút các nhóm này tham gia vào các hoạt động sáng tạo, các ngành này có thể cung cấp nền tảng cho sự thể hiện bản thân, phát triển kỹ năng và cơ hội kinh tế. Thông qua các chương trình bao gồm và tiếp cận các cơ hội sáng tạo, các lĩnh vực này trở thành nền tảng để tự thể hiện, trao quyền kinh tế và ghi nhận văn hóa.

Người cao tuổi, chẳng hạn, là những người giữ gìn và bảo tồn tri thức, câu chuyện và các tập quán truyền thống quan trọng. Việc tích cực đưa họ vào các sáng kiến văn hóa - như các hội thảo kể chuyện, chương trình hướng dẫn văn hóa và nghệ thuật tham gia - không chỉ bảo tồn di sản phi vật thể mà còn thúc đẩy sự trao đổi giữa các thế hệ, làm phong phú quá trình sáng tạo, tạo điều kiện cho sự thể hiện bản thân và củng cố các mối liên kết cộng đồng. Việc nhận ra và trao quyền cho người cao tuổi trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo đảm bảo rằng sự khôn ngoan của họ vẫn là một lực lượng tích cực trong việc hình thành đời sống văn hóa đương đại.

Các sáng kiến văn hóa hướng tới thanh niên có thể khai thác sự sáng tạo và năng lượng của họ, thúc đẩy cảm giác thuộc về và trao quyền đồng thời góp phần vào sự gắn kết xã hội và khả năng phục hồi kinh tế trong tương lai. Bằng cách cung cấp phát triển kỹ năng và tạo cơ hội tham gia văn hóa, những sáng kiến này không chỉ đáp ứng khát vọng của giới trẻ mà còn chuyển hóa tiềm năng của họ thành những đóng góp tích cực cho xã hội. Ở các vùng có dân số trẻ đáng kể, đặc biệt là tại Nam bán cầu toàn cầu, các chương trình như vậy đóng vai trò thiết yếu trong việc trang bị cho thế hệ tiếp theo những công cụ để hình thành các câu chuyện văn hóa và thúc đẩy đổi mới. Hơn nữa, việc thu hút thanh niên tham gia các sáng kiến văn hóa giúp xây dựng sự trân trọng sâu sắc hơn đối với di sản văn hóa và sự đa dạng, từ đó tạo dựng các xã

hội bao dung và đảm bảo sự bền vững của các thực hành văn hóa cho các thế hệ tương lai.

Các dự án như Trung tâm Di sản Quốc tế Ama Gugu ở Zimbabwe là ví dụ điển hình cho tiềm năng của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) trong việc bảo vệ tri thức và tập quán truyền thống đồng thời góp phần phát triển kinh tế. Nằm ở Matobo Hills, một Di sản Thế giới của UNESCO, trung tâm này tập trung vào việc bảo tồn di sản bản địa thông qua các hội thảo, triển lãm và chương trình giáo dục thu hút cả cộng đồng địa phương và khách tham quan. Trung tâm là nơi để các nghệ nhân và nghệ sĩ thể hiện kỹ năng, tạo nguồn thu nhập và thúc đẩy niềm tự hào văn hóa. Bằng cách đưa thanh niên vào các hoạt động này, trung tâm đảm bảo tri thức truyền thống được truyền lại cho các thế hệ tương lai, tạo ra sự kết hợp giữa bảo tồn văn hóa, phát triển kỹ năng và cơ hội kinh tế.

Một ví dụ khác là sáng kiến Trao quyền cho Thanh niên thông qua Nghệ thuật và Truyền thông (YEDAM), thu hút giới trẻ ở châu Phi tham gia ghi chép và chia sẻ di sản văn hóa của họ qua các dự án sáng tạo như làm phim và kể chuyện. Chương trình này không chỉ bảo vệ các tập quán truyền thống mà còn trao quyền cho thanh niên bằng cách cung cấp cho họ các công cụ và nền tảng để thể hiện sự sáng tạo của mình, thúc đẩy cả sự phát triển cá nhân và sự tham gia của cộng đồng.

Để giải quyết bất bình đẳng trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) cần nhiều hơn là chỉ tăng cường sự đại diện - đó đòi hỏi phải có sự thay đổi cơ cấu. Các bất bình đẳng dai dẳng trong tiếp cận, mức lương, vai trò lãnh đạo và cách thể hiện trong các sản phẩm văn hóa phải được khắc phục. Việc tăng cường sự đại diện phải đi đôi với việc xem xét cách các nhóm bị thiệt thòi được thể hiện trong các sản phẩm văn hóa, đảm bảo rằng điều này không củng cố các định kiến xã hội. Bảo tồn di sản cũng phản ánh sự bất bình đẳng, khi các cộng đồng bị thiệt thòi thường bị loại trừ khỏi các quá trình ra quyết định, mặc dù họ là những người giữ tri thức quan trọng. Một ngành CCI thực sự bao gồm cần giải quyết những thách thức đan xen này để tạo ra cơ hội và câu chuyện công bằng, phản ánh và trao quyền cho mọi tiếng nói.

Bất bình đẳng giới (trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo)

Bình đẳng giới là một vấn đề then chốt nhưng vẫn còn nhiều thách thức dai dẳng trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI). Mặc dù đã có một số tiến bộ, phụ nữ vẫn phải đối mặt với nhiều rào cản đáng kể, bao gồm việc tiếp cận không công bằng với nguồn lực, vai trò lãnh đạo và mức thù lao công bằng. Theo báo cáo "Reshaping Policies for Creativity" của UNESCO, phụ nữ chỉ chiếm chưa đến 30% các vị trí lãnh đạo trong các tổ chức văn hóa trên toàn thế giới, phản ánh các bất bình đẳng cấu trúc vẫn tồn tại. Thêm vào đó, trong báo cáo "Gender & Creativity: Progress on the Precipice" dữ liệu cũng cho thấy phụ nữ bị đại diện chưa đầy đủ trong nhiều lĩnh vực quan trọng như điện ảnh và âm nhạc, nơi tỷ lệ tham gia đặc biệt thấp. Việc

giải quyết các khoảng cách này đòi hỏi các chính sách và sáng kiến nhằm mục tiêu xử lý các rào cản hệ thống và thúc đẩy cân bằng giới. Các quốc gia có chiến lược bình đẳng giới toàn diện trong lĩnh vực văn hóa - như Thụy Điển và Pháp - đã đạt được những kết quả tốt hơn về sự tham gia và lãnh đạo của phụ nữ. Các chính sách này thường bao gồm các ưu đãi tài chính, chương trình cố vấn, chỉ tiêu và khung đánh giá nhạy cảm với giới. Để thúc đẩy thay đổi có ý nghĩa, các chính sách văn hóa cần tích hợp các phương pháp dựa trên dữ liệu, ưu tiên sự đại diện bình đẳng và giải quyết các bất bình đẳng giao thoa. Dựa trên các phát hiện của UNESCO, thúc đẩy bình đẳng giới trong CCI không chỉ là vấn đề công bằng mà còn là điều cần thiết để khai mở toàn bộ tiềm năng của ngành.

Tỷ lệ nữ giới trong lực lượng lao động văn hóa tại các đô thị như Sheki (Azerbaijan) và Baguio City (Philippines) lần lượt là 81% và 55%, cho thấy sự đại diện mạnh mẽ của phụ nữ trong các bối cảnh đô thị cụ thể (Báo cáo Thành phố Sáng tạo UNESCO). Tương tự, ở các nước như Croatia và Serbia, phụ nữ chiếm 56% và 55,7% lực lượng lao động ngành văn hóa (Báo cáo Định kỳ Khuyến nghị 1980; Báo cáo Định kỳ 2005).

Tuy nhiên, những con số này che giấu những bất bình đẳng tiềm ẩn: trong các vai trò kỹ thuật và quản lý, nam giới thường chiếm ưu thế, phản ánh các rào cản cấu trúc hạn chế khả năng tiếp cận các cơ hội cấp cao hơn của phụ nữ. Ở các khu vực như châu Phi Hạ Sahara và một số phần của châu Á, sự tham gia của nam giới trong các nghề văn hóa vẫn cao hơn phụ nữ, với khoảng cách đáng kể trong các lĩnh vực lãnh đạo và kỹ thuật. Việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc trẻ em vẫn là rào cản lớn đối với sự thăng tiến nghề nghiệp của phụ nữ và những người chăm sóc trong ngành. Đây cũng là kết quả thách thức của sự bất bình đẳng trong tiếp cận điều kiện làm việc thỏa đáng, trong đó phụ nữ ít có khả năng có các vị trí chính thức và được trả lương công bằng với các chính sách nhạy cảm và công bằng về các khía cạnh như bảo hiểm xã hội, nghỉ phép có trả lương và hơn thế nữa (UNESCO, 2023).

Trong các trung tâm đô thị thuộc Mạng lưới Thành phố Sáng tạo UNESCO, hồ sơ giới tính trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI) cho thấy một bức tranh phức tạp. Phụ nữ thường chiếm tỷ lệ vượt trội so với nam giới về mặt đại diện tổng thể nhưng lại bị thiếu hụt trong các vị trí có thu nhập cao hơn và các vai trò ra quyết định. Ví dụ, ở các thành phố như Jinju (Hàn Quốc) và Portoviejo (Ecuador), lực lượng lao động văn hóa ở mức gần cân bằng giới tính, nhưng dữ liệu cho thấy các vai trò giới truyền thống vẫn ảnh hưởng tới loại công việc mà họ đảm nhận (Báo cáo Thành phố Sáng tạo UNESCO).

Những phát hiện này làm nổi bật cả những thành tựu và những lĩnh vực cần cải thiện về bình đẳng giới trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCI). Mặc dù phụ nữ đóng vai trò trung tâm trong các ngành này, nhưng các rào cản đối với sự tiến

bộ và chênh lệch về mức lương vẫn tồn tại. Việc giải quyết những vấn đề này thông qua các chính sách thúc đẩy cơ hội bình đẳng và sự đại diện trong các vai trò lãnh đạo và kỹ thuật là điều quan trọng để thúc đẩy một nền kinh tế văn hóa bao gồm và công bằng hơn.

Các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo thường bao gồm một loạt các biện pháp nhằm mục tiêu, mỗi biện pháp được thiết kế để giải quyết những rào cản cụ thể mà phụ nữ gặp phải. Ví dụ, các chương trình tài trợ như Sáng kiến Cân bằng Giới trong nghệ thuật của Canada cung cấp hỗ trợ tài chính đặc biệt cho các nữ nghệ sĩ và doanh nhân sáng tạo, đảm bảo quyền tiếp cận công bằng với nguồn lực. Tương tự, Chương trình Cố vấn Phụ nữ trong Âm nhạc của Úc cung cấp đào tạo nhạy cảm về giới, trang bị cho phụ nữ các kỹ năng quản lý, lãnh đạo và đổi mới kỹ thuật số để phát triển bền vững trong ngành công nghiệp âm nhạc cạnh tranh.

Việc tăng cường sự đại diện trong các vị trí lãnh đạo là một trọng tâm then chốt khác cho bình đẳng giới trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo. Ví dụ, Hiến chương Bình đẳng các Ngành Công nghiệp Văn hóa và Sáng tạo của Pháp quy định cân bằng giới trong các hội đồng văn hóa và các vai trò ra quyết định, thúc đẩy sự thay đổi hệ thống trong các tổ chức văn hóa. Thêm vào đó, Thỏa thuận Điện ảnh của Thụy Điển đã đưa ra các chỉ tiêu về giới nhằm đảm bảo nguồn tài trợ công bằng cho các dự án do phụ nữ dẫn dắt, góp phần nâng cao tỷ lệ nữ đạo diễn và làm phong phú đa dạng các câu chuyện trong ngành công nghiệp phim ảnh.

Các chương trình công cộng và sáng kiến của các tổ chức xã hội dân sự (CSO) đóng vai trò riêng biệt nhưng bổ sung cho nhau trong việc thúc đẩy bình đẳng giới. Tổ chức Women in Film (WIF) là một tổ chức toàn cầu cam kết đạt được cân bằng giới trong ngành điện ảnh bằng cách vận động và thúc đẩy sự nghiệp của phụ nữ trong lĩnh vực điện ảnh, truyền hình và truyền thông kỹ thuật số. Chương trình Empowering Creative Women của UNESCO cung cấp sự công nhận toàn cầu, tài nguyên và mạng lưới cho các nữ nghệ sĩ sáng tạo, nhằm thu hẹp khoảng cách về đại diện và quyền tiếp cận. Các nỗ lực khu vực như Mạng lưới Phụ nữ Âm thanh và Hình ảnh Châu Âu (EWA) và Giải thưởng Màn ảnh Châu Á-Thái Bình Dương (APSA) tăng cường các mục tiêu này bằng cách cung cấp cố vấn, tài trợ và vận động để nâng cao vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực điện ảnh và truyền hình. Chương trình Keychange thuộc Liên minh Châu Âu thúc đẩy vai trò của phụ nữ trong ngành công nghiệp âm nhạc và đang nỗ lực đạt được sự cân bằng giới 50% trong lực lượng lao động ngành âm nhạc. Các sáng kiến từ nền tảng cộng đồng thường tập trung vào các bối cảnh văn hóa cụ thể và các nhóm bị thiệt thòi. Ví dụ, She Leads Africa trao quyền cho phụ nữ châu Phi trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo thông qua đào tạo, tài trợ và các cơ hội kết nối. Những nỗ lực này rất quan trọng trong việc giải quyết các bất bình đẳng giao thoa liên quan đến giới, dân tộc và giai cấp.

Chỉ có 2% quốc gia không có các cơ quan chính phủ hoặc thể chế quốc hội chuyên trách về bình đẳng giới (Báo cáo Định kỳ Công ước 2005), tuy nhiên gần một phần ba quốc gia báo cáo rằng các cơ quan này không phù hợp hoặc không liên quan đến các nghệ sĩ và chuyên gia văn hóa. Hơn nữa, khoảng 24% quốc gia không có các cơ chế chuyên biệt để giải quyết vấn đề bình đẳng giới trong ngành văn hóa (Báo cáo Định kỳ Khuyến nghị 1980). Tuy nhiên, 84% các quốc gia thu thập ít nhất một số dữ liệu về bình đẳng giới, đây là tín hiệu tích cực về ý chí chính trị và là nền tảng cho sự tiến bộ trong chính sách (Báo cáo Định kỳ Công ước 2005).

Phân tích các chính sách hỗ trợ phụ nữ là nghệ sĩ, chuyên gia văn hóa và doanh nhân sáng tạo cho thấy sự khác biệt đáng kể theo vùng về việc báo cáo và thực hiện chính sách. Châu Âu và Bắc Mỹ dẫn đầu với 82% các quốc gia cho biết có các chính sách và biện pháp nhằm thúc đẩy sự công nhận phụ nữ trong các ngành văn hóa, phản ánh sự hỗ trợ thể chế mạnh mẽ và tập trung lâu dài vào bình đẳng giới. Mỹ Latinh và Caribe, cùng với châu Phi Hạ Sahara báo cáo mức độ tham gia trung bình, với lần lượt 56% và 68% các quốc gia thực hiện các biện pháp tương tự. Mặc dù những nỗ lực này hứa hẹn, chúng vẫn còn không đồng đều và nhấn mạnh sự cần thiết của cam kết lâu dài, đồng thời làm nổi bật những thách thức trong việc ưu tiên bình đẳng giới giữa các hạn chế kinh tế và xã hội rộng lớn hơn.

Các nỗ lực nhằm khắc phục những khoảng cách này bao gồm các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong việc tuyển dụng, mức lương và cơ hội thăng tiến nghề nghiệp, cùng với các sáng kiến đảm bảo quyền tiếp cận công bằng các nguồn lực và phát triển chuyên môn cho phụ nữ. Tuy nhiên, tiến triển vẫn còn không đều, với sự khác biệt đáng kể theo vùng chịu ảnh hưởng từ khuôn khổ thể chế, sự sẵn có của nguồn lực và quan điểm xã hội. Ngoài ra, còn tồn tại sự bất bình đẳng giới trong cách các nghệ sĩ và chuyên gia văn hóa phản ứng với các quy định và chỉ dẫn hiện hành. Không thể giả định rằng chỉ vì một quy định tồn tại thì sẽ có sự cân bằng giới trong việc áp dụng nó. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, dữ liệu cho thấy các tác giả nam đăng ký bản quyền với tỉ lệ gấp đôi các tác giả nữ (Brauneis và Oliar, 2016).

Tại các quốc gia có thu nhập cao, các chính sách bình đẳng giới mạnh mẽ đã được triển khai nhằm hỗ trợ bình đẳng, bao gồm các chỉ tiêu và ưu đãi tài chính để tăng cường sự đại diện của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo văn hóa. Tuy nhiên, bất chấp những biện pháp này, các thách thức đáng kể vẫn tồn tại, được minh chứng bằng sự chênh lệch giới bền vững và các vấn đề an toàn được phơi bày qua các phong trào như MeToo. Ở các tiểu khu vực châu Phi và Mỹ Latinh, các chương trình dựa vào cộng đồng đã đạt được tiến bộ ý nghĩa bằng cách thúc đẩy bình đẳng giới từ cấp cơ sở. Tuy nhiên, các rào cản cơ cấu, bao gồm hạn chế về tài chính và hỗ trợ thể chế, vẫn tiếp tục cản trở sự tiến triển rộng hơn. Một cách tiếp cận tinh tế và điều chỉnh theo từng vùng là cần thiết để giải quyết những chênh lệch này đồng thời ghi nhận cả thành tựu và thách thức đang diễn ra.

Việc thu thập dữ liệu hệ thống và thực hành giám sát là rất quan trọng để thúc đẩy bình đẳng giới trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo. Trong khi các hệ thống như vậy phổ biến hơn ở một số khu vực, nhiều nền kinh tế phải đối mặt với những thách thức do các ưu tiên cạnh tranh và nguồn lực hạn chế, nhấn mạnh sự cần thiết của phát triển năng lực và hỗ trợ quốc tế. Bình đẳng giới, là trọng tâm của Mục tiêu Phát triển Bền vững 5, cung cấp một khung có thể được điều chỉnh cho các ngành văn hóa. Tuy nhiên, các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo đòi hỏi các phương pháp riêng biệt do đặc thù động lực riêng của chúng, chẳng hạn như sự phổ biến của công việc phi chính thức và bán thời gian, các mô hình kinh doanh lai và sự thiếu đại diện của phụ nữ trong các vai trò lãnh đạo và ra quyết định.

Để giải quyết những thách thức cụ thể này, các sáng kiến nên bao gồm các khoản tài trợ mục tiêu cho các dự án văn hóa do phụ nữ lãnh đạo, các chương trình xây dựng năng lực cho việc thu thập dữ liệu và phát triển chính sách, cũng như các hợp tác liên ngành tích hợp các chính sách văn hóa với các chiến lược bình đẳng giới rộng hơn. Trong bối cảnh đó, công cụ sắp tới của UNESCO mang tên "Văn hóa cho tất cả: bộ công cụ về bình đẳng giới trong chính sách" sẽ cung cấp hướng dẫn từng bước về cách tích hợp bình đẳng giới vào các chính sách văn hóa. Bằng cách nhận thức được những đặc thù này và tăng cường các nỗ lực ở các vùng còn thiếu đại diện, các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo có thể đóng góp một cách có ý nghĩa vào các mục tiêu bình đẳng giới toàn cầu.

Nâng cao tiêu chuẩn làm việc tử tế

Những người lao động trong ngành văn hóa thường phải đối mặt với điều kiện làm việc bấp bênh, bao gồm mức lương thấp, các vai trò không ổn định và việc tiếp cận hạn chế hoặc không có các chế độ bảo vệ xã hội như bảo hiểm y tế hoặc kế hoạch nghỉ hưu. Điều này phản ánh bản chất đặc thù của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo, vốn được đặc trưng bởi các hình thức làm việc không điển hình, hợp đồng dự án và sự dựa vào các nền kinh tế phi chính thức.

Để phù hợp với Mục tiêu Phát triển Bền vững số 8 (SDG 8) về công việc tử tế và tăng trưởng kinh tế, các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo cần các cơ chế hỗ trợ riêng biệt để giải quyết những thách thức này, đồng thời duy trì sự linh hoạt cần thiết cho sản xuất sáng tạo. Thêm vào đó, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) mang lại cả cơ hội và rủi ro, như tự động hóa thay thế các vai trò sáng tạo hoặc thay đổi chuỗi giá trị. Sự chuyển đổi công bằng cho người lao động trong ngành văn hóa trong bối cảnh này đòi hỏi các chính sách đảm bảo mức thù lao công bằng, nâng cao kỹ năng và tiếp cận công nghệ mới, bảo vệ sự bền vững và phẩm giá của công việc văn hóa.

Cuộc chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đã làm thay đổi mọi mặt của chính sách công, bao gồm cả các cách tiếp cận với văn hóa. Như đã thảo luận trong Chương 2, công nghệ kỹ thuật số được xem là động lực của đổi mới sáng tạo và tăng trưởng

trong toàn bộ ngành văn hóa, giúp mở rộng quy mô thông qua các kênh và nền tảng mới ngày càng phát triển. Các chính sách ngày càng tập trung vào việc tăng cường hạ tầng cho phát triển kỹ thuật số, nâng cao hiểu biết kỹ thuật số, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và công bằng trong việc thương mại hóa các sản phẩm văn hóa. Tuy nhiên, trong nhiều bối cảnh, các chính sách cần được cải tổ để đảm bảo tính phù hợp với chuyển đổi số, đồng thời đối mặt với các thách thức về năng lực và chuyên môn. Trí tuệ nhân tạo (AI) làm tăng thêm các thách thức về thù lao, đạo đức, khai thác tài nguyên và quyền sở hữu trí tuệ. Các khung pháp lý và khuyến nghị chính sách — như Khuyến nghị của UNESCO về Đạo đức Trí tuệ Nhân tạo và Đạo luật Dịch vụ Kỹ thuật số của Liên minh châu Âu — nhằm điều chỉnh các vấn đề này, mặc dù vẫn đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức lớn, đặc biệt khi AI có thể làm thay đổi căn bản hệ thống quản lý quyền sở hữu trí tuệ hiện có. Việc bị loại trừ khỏi thế giới kỹ thuật số cũng là một vấn đề quan trọng: Liên minh Viễn thông Quốc tế (2024) chỉ ra rằng vẫn còn 2,6 tỷ người chưa có truy cập internet, trong đó phụ nữ đối mặt với sự chia cắt không cân đối — có 189 triệu nam giới dùng internet nhiều hơn phụ nữ. Thêm vào đó, có nguy cơ chuyển đổi kỹ thuật số sẽ tích cực loại trừ phụ nữ hoặc thậm chí gây ra những hậu quả có hại như nguy cơ bạo lực dựa trên giới được hỗ trợ bởi AI.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa đã và đang mở ra nhiều lợi ích quan trọng, tạo cơ hội cho sản xuất và phân phối văn hóa trở nên bao trùm hơn ở mọi vùng địa lý trên toàn cầu. Theo báo cáo "Digitalization: A Game Changer for Local Governments & Communities – Enhancing Capacities to Deploy Transformative Solutions" (ICLEI, 2023), các quốc gia có mức độ chuyển đổi số cao hơn sẽ thu được lợi ích kinh tế lớn hơn 20% so với những quốc gia mới bước vào giai đoạn phát triển kỹ thuật số. Mặc dù chuyển đổi số hỗ trợ đa dạng hóa nguồn thu nhập và tạo ra giá trị kinh tế, các cách tiếp cận bao trùm vẫn cần được áp dụng để khắc phục những khoảng cách về quyền tiếp cận và thù lao công bằng, đồng thời hỗ trợ các nghệ sĩ và người lao động văn hóa đổi mới với công cụ kỹ thuật số thay vì bị loại trừ trong bối cảnh biến đổi nhanh chóng này.

HỢP 6. TĂNG CƯỜNG QUYỀN VÀ SỰ BẢO VỆ: VAI TRÒ CỦA CÁC CÔNG ĐOÀN VÀ CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH

Đảm bảo thù lao kinh tế công bằng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Sự mở rộng nhanh chóng của AI tạo sinh, đặc biệt kể từ năm 2022, đã đặt ra những thách thức lớn đối với các nghệ sĩ, chuyên gia văn hóa và sáng tạo, như nhiều công đoàn lao động đã nhấn mạnh. Các công nghệ này, được sử dụng để tạo ra các sản phẩm sáng tạo mới hoặc thực hiện các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình sáng tạo, được huấn luyện với khối lượng dữ liệu khổng lồ, đôi khi bao gồm cả các tác phẩm được bảo hộ bản quyền, cùng với nội dung do người dùng tạo và tài liệu nguồn mở. Tuy nhiên, dữ liệu này thường được thu thập và xử lý mà không có sự đồng ý hoặc cấp

phép từ các tác giả gốc, tạo ra nguy cơ vi phạm bản quyền lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp âm nhạc và âm thanh - hình ảnh. Tình trạng này làm nổi bật nhu cầu cấp thiết về sự minh bạch hơn trong việc sử dụng các tác phẩm sáng tạo bởi các thuật toán AI.

Sự gia tăng nhanh chóng của AI tạo sinh cũng đe dọa các dòng giá trị truyền thống trong các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo: dưới các quy định hiện hành, các nhà sáng tạo âm thanh - hình ảnh có thể chịu tổn thất doanh thu 21% vào năm 2028, con số này sẽ lên tới 24% đối với các nhạc sĩ. Tình trạng nghiêm trọng này là do sự cạnh tranh không công bằng giữa nội dung do AI tạo ra và nội dung do con người sáng tạo, cũng như sự thiếu vắng các cơ chế hiệu quả để đảm bảo thù lao công bằng khi sử dụng các tác phẩm được bảo hộ bản quyền trong sản phẩm của AI.

Một mối quan ngại lớn khác của các công đoàn trong lĩnh vực văn hóa liên quan đến quyền kinh tế - xã hội của nghệ sĩ, đó là sự gia tăng áp đảo của các hợp đồng mua đứt quyền tác giả, nhất là trong ngành âm thanh - hình ảnh và trên các nền tảng phát trực tuyến. Các hợp đồng này yêu cầu các nhà sáng tạo từ bỏ quyền của họ để đổi lấy khoản thanh toán một lần, khiến họ mất quyền nhận các khoản tiền bản quyền trong tương lai. Sự mất cân bằng quyền lực không đối xứng, kết hợp với việc thiếu thông tin và nhận thức của các nhà sáng tạo về các rủi ro lâu dài, đã làm trầm trọng thêm cuộc sống kinh tế vốn đã bấp bênh của nghệ sĩ và làm suy yếu tính ổn định của thu nhập của họ.

Thúc đẩy quyền kinh tế - xã hội của các chuyên gia văn hóa: các phản ứng chính sách là gì?

Các công đoàn đã hoan nghênh một số tiến bộ chính sách quan trọng nhằm giải quyết những thách thức cơ cấu mà các nghệ sĩ và chuyên gia văn hóa phải đối mặt - đặc biệt là liên quan đến bảo vệ bản quyền, thù lao công bằng và vị thế của nghệ sĩ trong môi trường kỹ thuật số. Ở cấp quốc gia, việc củng cố luật pháp đã đóng vai trò then chốt trong việc ngăn chặn sự xói mòn của bảo vệ bản quyền. Để đối phó với sự phổ biến của các hợp đồng mua đứt quyền tác giả, một số quốc gia châu Âu - bao gồm Pháp, Ý và Tây Ban Nha - đã ban hành các luật nhằm đảm bảo rằng các nhà sáng tạo nhận được khoản thù lao tương xứng với doanh thu tạo ra từ tác phẩm của họ. Ở những quốc gia khác như Bỉ, Hungary và Ba Lan, luật pháp cho phép xem xét lại tiền bản quyền khi các thỏa thuận ban đầu không phù hợp và trao quyền cho nghệ sĩ được quyền hủy bỏ hoặc giữ lại quyền trong trường hợp bị khai thác không đầy đủ.

Ở cấp độ khu vực, Chỉ thị của Liên minh châu Âu năm 2019 về bản quyền trong Thị trường Đơn kỹ thuật số (Digital Single Market Directive) đại diện cho một bước đột phá chính sách quan trọng. Chỉ thị này yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ chia sẻ nội dung trực tuyến tuân thủ các quy định về bản quyền và phải xin cấp phép

từ các nhà sáng tạo, nhằm phân phối công bằng hơn giá trị kinh tế được tạo ra từ nội dung số.

Các thỏa thuận tập thể vẫn giữ vai trò then chốt trong việc đảm bảo quyền kinh tế - xã hội cho các chuyên gia văn hóa. Những thỏa thuận này tạo ra một khung vững chắc để đảm bảo thù lao công bằng và bảo vệ xã hội, bao gồm việc quy định mức phí tối thiểu, lịch thanh toán, tiền bản quyền, cơ chế giải quyết tranh chấp, đóng góp bảo hiểm y tế và hưu trí, cùng nhiều vấn đề khác.

Trên tất cả các lĩnh vực này, hợp tác đa bên - bao gồm các quan hệ đối tác giữa các công đoàn và các tổ chức quốc tế như UNESCO, Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) và Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) - vẫn rất thiết yếu. Sự hợp tác này là chìa khóa để củng cố vị thế của nghệ sĩ và điều chỉnh các khung chính sách phù hợp với bối cảnh kỹ thuật số đang phát triển.

Về việc làm, các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) là những người mới tương đối, trong khi các luật hiện hành thường không giải quyết được các điều kiện đặc thù của họ, chẳng hạn như hình thức làm việc không điển hình và các vai trò dựa trên dự án. Cảm nhận của công chúng và các quyết định chính sách thường đánh giá thấp công việc văn hóa, không công nhận công việc văn hóa và sáng tạo là công việc chính thức. Các chính trị gia và nhà hoạch định chính sách thường ưu tiên các môn học STEM (Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học) hơn các chương trình đào tạo và giáo dục văn hóa, mặc dù ngày càng có sự công nhận về tầm quan trọng của nghệ thuật, thể hiện qua việc nghệ thuật được đưa vào các bài kiểm tra OECD PISA.

Phạm vi việc làm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) - từ nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật thị giác đến truyền thông kỹ thuật số và quản lý di sản văn hóa - cho thấy sự đa dạng và khả năng tích hợp với nhiều ngành công nghiệp khác nhau của các ngành này. Tuy nhiên, như Laurence Cuny đã chỉ ra trong nghiên cứu *A Crisis of Sustainable Careers?* của IFACCA, việc công nhận CCIs là một ngành việc làm quan trọng với các điều kiện làm việc công bằng và bình đẳng vẫn còn thiếu hụt, do việc thiếu hỗ trợ hệ thống, thù lao công bằng và công nhận lao động văn hóa như một công việc chính thức là rào cản then chốt đối với sự phát triển bền vững của ngành. Giải quyết những vấn đề này đòi hỏi các chính sách được thiết kế riêng, công nhận vai trò của văn hóa trong giáo dục và các khung chính sách phù hợp.

Việc phân bổ thu nhập trong các nghề văn hóa và việc làm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo thường bao gồm sự kết hợp giữa các hình thức làm việc chính thức và phi chính thức, với một số lượng lớn người lao động làm việc tự do hoặc theo hợp đồng dự án. Sự đa dạng này trong các hình thức việc làm tạo ra thách thức trong việc đảm bảo thu nhập ổn định và bảo vệ xã hội cho tất cả người lao động. Nhiều người làm trong lĩnh vực văn hóa phải đối mặt với sự dễ bị tổn thương về kinh

tế do tính chất gián đoạn trong công việc và thiếu các biện pháp an sinh xã hội toàn diện.

Việc chính thức hóa việc làm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) đặt ra những thách thức phức tạp và mang tính đặc thù theo bối cảnh, đòi hỏi các cách tiếp cận tinh tế. Nền kinh tế phi chính thức chiếm ưu thế trên toàn cầu, trong đó ngành văn hóa có tỷ lệ đại diện không cân xứng. Mặc dù mở rộng các chế độ bảo vệ xã hội như quyền lợi sức khỏe, kế hoạch nghỉ hưu và bảo hiểm thất nghiệp là cần thiết để cải thiện điều kiện làm việc, nhưng con đường hướng tới sự chính thức hóa gặp nhiều khó khăn, đặc biệt trong CCIs. Những thách thức này bao gồm cân bằng giữa thuế khóa và quy định với tính chất linh hoạt và thường dựa trên dự án của công việc sáng tạo, cũng như giải quyết các bất bình đẳng hệ thống mà không làm tổn hại tới sinh kế của những người làm việc trong các hình thức phi chính thức.

Nỗ lực chính thức hóa phải điều chỉnh mối quan hệ giữa nền kinh tế chính thức và phi chính thức, nhận thức rằng phi chính thức không chỉ đơn thuần là trạng thái tạm thời mà là một đặc điểm cố hữu của nhiều nền kinh tế văn hóa. Các cách tiếp cận để quản lý mối quan hệ này bao gồm các mô hình lai, mở rộng bảo vệ cho người lao động phi chính thức mà không yêu cầu họ phải chính thức hóa hoàn toàn. Ví dụ, một số quốc gia đã triển khai hệ thống an sinh xã hội phù hợp với người làm việc tự do và hợp đồng, cho phép họ tiếp cận các quyền lợi thường dành cho người lao động chính thức.

Các ví dụ như báo cáo về kinh tế phi chính thức trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) tại Zimbabwe và báo cáo Empowering Creativity của UNESCO nêu bật các chiến lược kết nối khoảng cách giữa kinh tế chính thức và phi chính thức. Ở Zimbabwe, các chương trình đã được triển khai nhằm cung cấp cho người lao động văn hóa phi chính thức quyền tiếp cận tài chính và các sáng kiến nâng cao năng lực, đồng thời dần dần tích hợp các khung pháp lý bảo vệ quyền kinh tế và xã hội của họ. Tương tự, nghiên cứu của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) nhấn mạnh tầm quan trọng của các chính sách bao trùm, giải quyết các rào cản về thuế và quy định trong khi vẫn bảo vệ sinh kế của người lao động phi chính thức.

Giải pháp bền vững phải nhận thức vai trò cơ cấu của sự phi chính thức trong ngành và tập trung vào việc quản lý mối quan hệ giữa nền kinh tế chính thức và phi chính thức. Như đã được nhấn mạnh trong nghiên cứu gần đây, việc thúc đẩy thù lao công bằng và mở rộng các biện pháp bảo vệ xã hội - trong khi vẫn tôn trọng tính linh hoạt và bản chất dựa trên dự án của công việc văn hóa - có thể dẫn đến kết quả công bằng và bền vững hơn cho các chuyên gia sáng tạo (IFACCA, 2022).

Các chương trình hỗ trợ nghệ sĩ và nhà sáng tạo

Định nghĩa về nghệ sĩ hoặc người lao động sáng tạo rất đa dạng và ảnh hưởng đến cách áp dụng quyền lợi và sự bảo vệ trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs). Trong khi các luật pháp, như luật bản quyền, thường bảo vệ các vai trò truyền thống như tác giả và nghệ sĩ, nhiều đóng góp sáng tạo khác - chẳng hạn như nhà thiết kế, kỹ thuật viên và quản lý dự án - vẫn chưa được công nhận trong các khung pháp lý. Quan điểm hạn hẹp về lực lượng lao động văn hóa này loại bỏ các vai trò thiết yếu trong quy trình sản xuất, dẫn đến sự bất bình đẳng trong việc tiếp cận quyền lợi và sự bảo vệ.

Động lực này làm nổi bật sự phức tạp trong việc hiểu về lực lượng lao động văn hóa, nơi những khái niệm truyền thống về nghệ sĩ cùng tồn tại với một hệ sinh thái rộng lớn hơn của người lao động sáng tạo. Các cuộc thảo luận về quyền lợi, sự bảo vệ và cơ chế hỗ trợ ngày càng nhấn mạnh nhu cầu phải xem xét đa dạng các vai trò và thực tế việc làm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs), cũng như những rào cản cơ cấu duy trì bất bình đẳng, đặc biệt đối với phụ nữ.

Việc tổ chức thị trường lao động ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng điều kiện làm việc của nghệ sĩ. Ở nhiều quốc gia, các công đoàn và hội nghề nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi cho thành viên của họ thông qua đàm phán các thỏa thuận tập thể, vận động cho lợi ích nhóm và cung cấp hỗ trợ cho các hoạt động nghề nghiệp khác nhau. Mức độ chuyên nghiệp hóa thị trường còn được phản ánh qua vai trò của các tổ chức trung gian, như các cơ quan việc làm và quản lý, đóng vai trò cầu nối giữa sự sáng tạo nghệ thuật và thị trường.

Trang bị cho sinh viên tốt nghiệp các trường nghệ thuật các kỹ năng thị trường thiết yếu cũng quan trọng không kém. Việc điều chỉnh giáo dục nghệ thuật phù hợp với nhu cầu thị trường có thể giúp các nghệ sĩ trẻ chuẩn bị tốt hơn để bước vào lực lượng lao động, quản lý doanh nghiệp riêng của họ hoặc hợp tác hiệu quả với khu vực tư nhân. Cơ hội đào tạo thêm về khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa cũng góp phần xây dựng nền tảng cho sự nghiệp bền vững trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (Ilczuk, Karpińska và Stano-Strzałkowska, 2017).

Việc hỗ trợ các nghệ sĩ cá nhân thông qua các khoản trợ cấp và phụ cấp là biện pháp trực tiếp mà các chính phủ sử dụng để thúc đẩy sự sáng tạo và duy trì ngành văn hóa. Các chương trình hỗ trợ này được thiết kế nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính cho nghệ sĩ, giúp họ theo đuổi các hoạt động sáng tạo mà không bị áp lực ngay lập tức về thành công thương mại. Chương trình Thu nhập Cơ bản dành cho Nghệ thuật (BIA) của Ireland, do Bộ trưởng Catherine Martin khởi xướng, hỗ trợ các nghệ sĩ và người làm sáng tạo là một phần trong Kế hoạch Hồi phục Kinh tế Quốc gia. Được tài trợ với số tiền 25 triệu euro trong ba năm, chương trình thí điểm này nhằm cung cấp thu nhập ổn định cho nghệ sĩ để làm cơ sở cho các chính sách tương lai. Kết quả ban đầu rất tích cực, với 2.000 nghệ sĩ nhận được 325 euro mỗi tuần, giúp họ tăng thời gian và

nguồn lực dành cho nghệ thuật, nâng cao sự hài lòng trong cuộc sống và giảm các triệu chứng trầm cảm, lo lắng. Người nhận hỗ trợ dành thêm 8 giờ làm việc sáng tạo mỗi tuần và chi tiêu nhiều hơn 550 euro mỗi tháng cho công việc sáng tạo so với những người không nhận hỗ trợ (Chính phủ Ireland, 2023b). Việc giới thiệu thu nhập cơ bản dành cho nghệ sĩ tại Ireland giải quyết các thách thức quan trọng mà người làm việc trong ngành văn hóa phải đối mặt. Ngoài vấn đề người tiêu dùng ít sẵn lòng chi trả cho các sản phẩm văn hóa, các yếu tố cơ cấu như sự phân mảnh trong công việc văn hóa và sự phụ thuộc vào việc làm tạm thời hoặc theo dự án làm gia tăng sự không ổn định về thu nhập. Ngoài ra, nhiều nghệ sĩ không có quyền tiếp cận với thu nhập bổ sung từ quyền sở hữu trí tuệ (IP), vốn có thể cân bằng thu nhập từ công việc sáng tạo của họ.

Như đã được nhấn mạnh trong báo cáo Empowering Creativity và Re|Shaping Policies for Creativity của UNESCO, việc tích hợp các khung pháp lý với các chính sách hỗ trợ thù lao công bằng, quyền xã hội và tự do nghệ thuật là vô cùng cần thiết cho một ngành văn hóa bền vững. Những biện pháp này không chỉ bảo vệ các nhà sáng tạo văn hóa mà còn đảm bảo rằng các tiếng nói và biểu đạt đa dạng được đại diện, góp phần tạo nên các hệ sinh thái văn hóa sống động và bền vững. Đối với những người quan tâm đến các mối liên kết này, thảo luận về quyền văn hóa trong bối cảnh này cung cấp một hiểu biết sâu sắc hơn về cách các khung pháp lý và chính sách hội tụ để duy trì công bằng và tự do văn hóa.

Chính phủ Ấn Độ cung cấp một loạt các chương trình hỗ trợ cho nghệ sĩ dưới ngân sách Kala Sanskriti Vikas Yojana (KSVY) và Chương trình Gắn kết Toàn cầu (Global Engagement Scheme). Ở cấp quốc gia, một thành phần chính là Khoản trợ cấp Repertory Grant, dựa trên truyền thống guru-shishya parampara (truyền thống thầy trò), trong đó các nghệ sĩ bậc thầy trong nghệ thuật biểu diễn nhận được khoản phụ cấp hàng tháng là 15,000 INR (khoảng 175 USD), trong khi các học trò nhận từ 2,000 đến 10,000 INR (khoảng 23 đến 116 USD) tùy theo độ tuổi. Nghệ sĩ cũng có thể xin hỗ trợ tài chính cho việc thực hiện các dự án nghệ thuật, biểu diễn và sự kiện văn hóa thông qua Khoản trợ cấp Chức năng và Sản xuất Văn hóa (CFPG), với kinh phí từ 500,000 đến 2 triệu INR (khoảng 5,810 đến 23,246 USD) cho mỗi sáng kiến. Ngoài ra, còn có các khoản trợ cấp dành cho phát triển cơ sở hạ tầng nghệ thuật quy mô nhỏ như sân khấu hoặc không gian triển lãm. Hỗ trợ riêng biệt dành cho các nghệ sĩ cao niên trên 60 tuổi, với mức trợ cấp hàng tháng tối đa 6,000 INR (khoảng 70 USD), nhằm đảm bảo mức an sinh xã hội cơ bản cho những người có di sản nghệ thuật quan trọng. Trên bình diện quốc tế, dưới sáng kiến Festival of India, các nghệ sĩ được mời tham gia các sự kiện quảng bá văn hóa Ấn Độ ở nước ngoài - toàn bộ chi phí đi lại và lưu trú do chính phủ chi trả, với nghệ sĩ chính nhận 35,000 INR (khoảng 407 USD) mỗi buổi biểu diễn và nghệ sĩ đi kèm nhận 7,000 INR (khoảng 81 USD). Các chương

trình này thể hiện cách tiếp cận tận tâm của Nhà nước Ấn Độ trong việc hỗ trợ nghệ sĩ mới và kỳ cựu, đồng thời nâng cao vị thế văn hóa Ấn Độ trên trường quốc tế.

Việc duy trì tự do nghệ thuật cũng quan trọng không kém, cho phép các nhà sáng tạo khám phá tầm nhìn của họ mà không bị ràng buộc quá mức. Để đạt được điều này, việc ưu tiên đảm bảo tiếp cận công bằng các cơ hội tài trợ là rất cần thiết, nhằm đảm bảo các nghệ sĩ từ nhiều nền tảng đa dạng đều có thể hưởng lợi từ sự hỗ trợ tài chính. Bằng cách giải quyết các rào cản hệ thống và thúc đẩy sự bao trùm, các chương trình này không chỉ làm phong phú sự đa dạng văn hóa mà còn bảo vệ nguyên tắc tự do sáng tạo, cho phép nghệ sĩ tạo ra các tác phẩm phản ánh một phổ rộng các trải nghiệm và quan điểm. Sự cân bằng giữa khả năng tiếp cận và quyền tự chủ này là yếu tố thiết yếu để nuôi dưỡng một ngành văn hóa sôi động và bao trùm.

Quỹ Phúc lợi Nghệ sĩ Hàn Quốc (KAWF), được thành lập dưới sự quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các nghệ sĩ tại Hàn Quốc. Mục tiêu của quỹ là nâng cao phúc lợi của nghệ sĩ thông qua nhiều chương trình và chính sách khác nhau. Một trong những sáng kiến quan trọng của KAWF là Dự án Hỗ trợ Nghệ sĩ Mới, cung cấp hỗ trợ tài chính cho các nghệ sĩ mới nổi, giúp họ ổn định sự nghiệp và tiếp tục các hoạt động sáng tạo. Bên cạnh đó, KAWF còn triển khai bảo hiểm việc làm cho nghệ sĩ, đảm bảo họ có quyền tiếp cận các lợi ích bảo hiểm xã hội ngay cả trong giai đoạn thất nghiệp.

Kết luận và những điểm quan trọng cần lưu ý

Chính sách văn hóa nằm ở giao diện của một tập hợp rộng hơn các cân nhắc chính sách - bao gồm các cách tiếp cận phát triển xã hội, giáo dục và kinh tế. Văn hóa ngày càng được xem là một yếu tố quan trọng để tạo ra ảnh hưởng, đặc biệt trong việc thúc đẩy đa dạng hóa và tăng trưởng kinh tế. Chính sách văn hóa nằm ở giao diện của một loạt các cân nhắc chính sách rộng lớn hơn - bao gồm các cách tiếp cận về phát triển xã hội, giáo dục và kinh tế. Văn hóa ngày càng được nhìn nhận như là một phương tiện quan trọng để tạo ra tác động, đặc biệt là trong nỗ lực thúc đẩy đa dạng hóa và tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, như chương này đã làm rõ, tác động kinh tế chỉ có thể đạt được một cách thực tế nếu nó là một phần của cách tiếp cận rộng hơn đối với văn hóa như nền tảng cho phát triển bền vững. Nếu các nghệ sĩ và người lao động văn hóa gặp khó khăn trong việc kiếm sống, bị kìm hãm ngay từ giai đoạn biểu đạt sáng tạo và không được hỗ trợ để phát triển và mở rộng thực hành của mình, thì nền kinh tế sáng tạo chỉ phục vụ cho một số ít các thực thể thương mại lớn thay vì toàn xã hội. Để ứng phó với thực tế bất bình đẳng này, các chính sách văn hóa ngày càng cần tập trung vào tính bao trùm, bền vững và công bằng, thay vì chỉ đơn thuần bị chi phối bởi các tiêu chí phát triển kinh tế. Các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) đóng vai trò như các nền tảng cho những nhóm bị thiệt thòi, thúc đẩy tự thể hiện, phát triển kỹ năng và

cơ hội kinh tế, đặc biệt ở các vùng đang phát triển. Việc giải quyết các rào cản hệ thống, chẳng hạn như bất bình đẳng về lương bổng và hạn chế vai trò lãnh đạo đối với phụ nữ và các nhóm thiểu số, vẫn là điều then chốt. Việc tích hợp yếu tố bền vững vào hoạt động của CCIIs, cùng với các cân nhắc về môi trường trong du lịch và quản lý tài nguyên, giúp ngành văn hóa phù hợp với các mục tiêu môi trường rộng lớn hơn.

Hơn nữa, việc tăng cường hợp tác xuyên quốc gia có thể nâng cao việc chia sẻ kiến thức và phát triển công bằng, đảm bảo đóng góp của văn hóa cho sự tiến bộ bền vững và phúc lợi xã hội. Điều này được thể hiện rõ trong Pact for the Future và Tuyên bố Văn hóa G20 (2020), trong đó sự di chuyển văn hóa và trao đổi thương mại công bằng là chìa khóa để hỗ trợ vị thế của nghệ sĩ cũng như đảm bảo bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng trong các biểu đạt văn hóa.

Dựa trên kết luận của chương này, bốn điểm rút ra chính được đề xuất bao gồm:

- Đầu tư vào dữ liệu văn hóa vững chắc và hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng: Chính sách văn hóa dựa trên bằng chứng là công cụ hiệu quả nhất để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Việc mở rộng phạm vi thu thập dữ liệu là cần thiết nhằm lấp đầy các khoảng trống tồn tại và hướng dẫn quá trình ra quyết định hiệu quả. Việc coi sự thiếu hụt số liệu văn hóa là điều không thể tránh khỏi không còn được chấp nhận nữa. Đầu tư toàn cầu vào các hệ thống dữ liệu văn hóa được phối hợp là cấp bách. Các nhà hoạch định chính sách và chính trị gia cần ưu tiên cải thiện các khung thống kê để hiểu rõ hơn và hỗ trợ sự phát triển năng động của các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIIs) trên toàn thế giới. Đối tượng mục tiêu của khuyến nghị này là các dịch vụ thống kê. Cần có các cơ chế tài trợ bền vững để hỗ trợ thống kê văn hóa tiêu chuẩn hóa, đáng tin cậy và có thể so sánh toàn cầu. Bên cạnh đó, các phân định nhị phân như Bắc toàn cầu/ Nam toàn cầu không phản ánh được sự phức tạp của bối cảnh quốc gia. Dữ liệu phân rẽ, đa chiều phải được sử dụng để hướng dẫn chính sách nhằm phản ánh tốt hơn động lực của ngành văn hóa trong các bối cảnh đa dạng.

- Tăng cường các khung pháp lý cho các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIIs) bền vững và bao trùm: Mặc dù có sự phát triển nhanh chóng, các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIIs) thường hoạt động trong môi trường phi chính thức hoặc dựa trên dự án và vẫn bị đánh giá thấp trong các khung giáo dục và chính sách ưu tiên các lĩnh vực STEM. Các luật pháp hiện hành - thường tập trung vào di sản hoặc sở hữu trí tuệ - không giải quyết được các điều kiện làm việc rộng hơn của nghệ sĩ và các chuyên gia văn hóa. Cần có các khung pháp lý toàn diện và thực thi chúng nhằm đảm bảo thù lao công bằng, quyền lợi lao động, bảo vệ xã hội, tự do nghệ thuật và công bằng giới. Những khung pháp lý này cũng nên tích hợp yếu tố bền vững sinh thái và được đưa vào tiêu chuẩn trong việc cấp vốn các dự án quốc tế.

- Công nhận và hỗ trợ văn hóa như một nền tảng cho phát triển bền vững: Thay vì coi văn hóa chỉ đơn thuần là động lực tăng trưởng kinh tế, thông qua chính sách và hành động hỗ trợ bảo vệ và thúc đẩy sự đa dạng các biểu đạt văn hóa và tạo môi trường thuận lợi cho nghệ sĩ và các chuyên gia văn hóa, sẽ đạt được nhiều kết quả rộng hơn - như các cộng đồng bao trùm và có sự tham gia nhiều hơn, đổi mới xã hội và văn hóa, tăng cường sự tin tưởng và sự gắn kết. Những kết quả này là cơ sở cho một nền kinh tế bao trùm và bền vững hơn, mang lại lợi ích cho tất cả các cộng đồng và hỗ trợ sự phát triển thịnh vượng của từng ngành văn hóa và sáng tạo. Ngược lại, sự tập trung vào công bằng, sự công bằng và sự bao trùm trong các ngành công nghiệp văn hóa sáng tạo (CCIs) sẽ củng cố vị thế của nghệ sĩ và tạo điều kiện cho các nền văn hóa phát triển. Điều này có thể là nền tảng cho một CCIs đóng góp vào nền kinh tế bền vững và công bằng hơn.

- Căn chỉnh đầu tư văn hóa với các ưu tiên phát triển rộng hơn: Việc tăng cường đầu tư và hỗ trợ tài chính cho ngành văn hóa là điều rất quan trọng để xây dựng một hệ sinh thái văn hóa bao trùm và bền vững, có thể thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đa dạng các biểu đạt, gắn kết xã hội và phát triển con người lâu dài. Việc tăng cường đầu tư công, huy động sự tham gia của khu vực tư nhân và căn chỉnh nguồn tài chính văn hóa với các ưu tiên phát triển rộng hơn là một cơ hội và sẽ là chìa khóa để bảo vệ quyền văn hóa, tạo điều kiện để các nghệ sĩ, tổ chức và doanh nghiệp sáng tạo phát triển thịnh vượng, đồng thời đảm bảo văn hóa đóng góp trọn vẹn vào sự bền bỉ và tăng trưởng bền vững của xã hội.

BẢN TÓM TẮT CHÍNH SÁCH

Simon Brault

Các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo phải có khả năng định hình thế giới mà chúng ta mong ước

Ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo hiện là một trong những động lực phát triển kinh tế và xã hội đầy triển vọng nhất ở mọi vùng trên thế giới. Đóng góp 3,39% vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu, ngành này chiếm trung bình 3,55% tổng lao động, trong đó phụ nữ chiếm một nửa và người trẻ dưới 30 tuổi là một tỷ lệ đáng kể trong lực lượng lao động, đặc biệt ở các khu vực Nam toàn cầu.

Ngành này rất rộng lớn và phân mảnh, nơi các động lực thương mại và phi thương mại đan xen, phụ thuộc vào nhiều quyết định và dòng tài chính từ các tác nhân có hành vi khác biệt - như các công ty tư nhân và tổ chức từ thiện, người tiêu dùng và chính phủ - những người hoạt động theo chính sách văn hóa và công nghiệp của họ, hoặc đơn giản là để mọi thứ phụ thuộc vào các lực lượng thị trường.

Đại dịch COVID-19 đã làm nổi bật sự tương phản giữa điều kiện sống và làm việc thiếu ổn định của phần lớn nghệ sĩ và người lao động sáng tạo, với sự phát triển

hiện tại và được dự báo của ngành. Gần 45% các nghề văn hóa tồn tại trong nền kinh tế phi chính thức, không có mạng lưới an sinh xã hội.

Nghệ thuật và văn hóa đóng vai trò trong các câu chuyện định danh của cá nhân, cộng đồng và quốc gia. Nhiều cách thức mà văn hóa có thể đóng góp vào sự tăng trưởng của vốn xã hội và sự nâng cao lợi ích chung không ngăn được việc tư nhân hóa toàn cầu các lợi ích kinh tế của nó, cũng như sự kiểm soát ngày càng tăng của các tập đoàn kỹ thuật số đối với các cơ chế sản xuất và phân phối trên toàn thế giới. Những tiến bộ đáng kinh ngạc của trí tuệ nhân tạo đang đe dọa nhiều công việc trong ngành sáng tạo, bên cạnh việc đặt ra nghi vấn về các khái niệm về tính xác thực, tính độc quyền, tự do nghệ thuật hay giá trị nội tại khi khai thác di sản nghệ thuật, văn hóa, thị giác và văn học của nhân loại - không chỉ để sao chép lại mà còn để tạo ra các tác phẩm, trải nghiệm hoặc hàng hóa mới nhằm mục đích thương mại hoặc các mục tiêu ý thức hệ và chính trị.

Tầm quan trọng ngày càng tăng của ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo trong nền kinh tế của mọi vùng miền, đóng góp của nó vào việc tạo ra các công việc bổ ích, khả năng sản xuất các nội dung tượng trưng có thể ảnh hưởng đến các giá trị và hành vi của cá nhân cũng như xã hội - bao gồm cả về quyền con người, môi trường và quản trị bao trùm, dân chủ - và tác động của nó tới đổi mới sáng tạo trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người đến mức không thể nghĩ tới việc không đưa nó vào các chiến lược phát triển bền vững toàn cầu và địa phương.

Đó là lý do tại sao các vấn đề và thách thức cấp bách mà ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo đang phải đối mặt - đặc biệt là vị thế xã hội và nghề nghiệp bấp bênh của lực lượng lao động, bảo vệ tự do sáng tạo ở mọi khía cạnh và bảo vệ các nền văn hóa địa phương chân thực với tất cả sự đa dạng của nó - phải được các chính phủ quốc gia và địa phương tính đến, họ nên phát triển hoặc hiện đại hóa các chính sách văn hóa cũng như các luật lao động và sở hữu trí tuệ, đầu tư cần thiết vào cơ sở hạ tầng và hỗ trợ sự phát triển của các doanh nghiệp trong ngành trong khi đảm bảo điều kiện làm việc cho những người làm việc trong ngành được cải thiện.

Văn hóa nên được đưa vào như một mục tiêu độc lập trong Chương trình Phát triển Bền vững sắp tới nhằm phù hợp với các mục tiêu toàn cầu quan trọng. Văn hóa vẫn là một trong những điều kiện thiết yếu để ngăn ngừa sự sụp đổ của các xã hội và sự hủy diệt của hành tinh chúng ta.